

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH  
**KHOA KINH TẾ - DU LỊCH**  
**BỘ MÔN QTKD - DL**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học  
 năm học 2021 -2022**

**C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành**

**1. ĐH Quản trị kinh doanh K60**

| STT | Tên môn học           | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên            |
|-----|-----------------------|--|------------|----------------------|---|
| 1   | Pháp luật đại cương   | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng, về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật cũng như vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.  | 3          | Kỳ 1                 | Kiểm tra thường xuyên<br>thi viết cuối kỳ |
| 2   | Kinh tế học đại cương | Học phần giới thiệu các khái niệm, nguyên lý và vấn đề cơ bản nhất của kinh tế học; các học thuyết kinh tế; các ý tưởng lớn làm nền tảng cho việc nghiên cứu kinh tế học và cách tiếp cận vấn đề của các nhà kinh tế                                   | 3          | Kỳ 1                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 3   | Kinh tế vi mô         | Học phần cung cấp những kiến thức kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường.  | 3          | Kỳ 1                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 4   | Kinh tế vĩ mô         | Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Phân tích và giải thích các chỉ tiêu của nền kinh tế như: tổng sản phẩm quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát ... | 3          | Kỳ 2                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |                                     |  |   |      |   |
|----|-------------------------------------|--|---|------|---|
| 5  | Kinh tế phát triển                  | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế của các nước đang phát triển; đặc điểm, nội dung biểu hiện sự tiến bộ của các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế.  | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 6  | Quản trị học                        | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học giúp sinh viên tiếp cận với lịch sử phát triển của các tư tưởng quản trị.   | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 7  | Nguyên lý kế toán                   | Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán như đối tượng, nguyên tắc kế toán, các phương pháp kế toán và các nội dung liên quan đến Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.  | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 8  | Tin học ứng dụng                    | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nhập số liệu, xử lý, mô tả số liệu và tính toán các số liệu trên máy tính nhằm phân tích vấn đề đề xuất kế hoạch, chiến lược, quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp.   | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi thực hành    |
| 9  | Thuế                                | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, nội dung của từng luật thuế và hỗ trợ kiến thức cho việc nghiên cứu kinh tế ngành..   | 2 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 10 | Quản trị sản xuất                   | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất trong doanh nghiệp. Học phần này giúp cho sinh viên hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm soát trong sản xuất.   | 4 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 11 | Thương mại điện tử                  | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về máy tính, internet, mạng viễn thông, và kiến thức chung về kinh doanh theo thương mại điện tử. Ứng dụng thương mại điện tử để chia sẻ thông tin một cách hiệu quả, Tiếp cận được với thành tựu mới của khu vực và thế giới trong lĩnh vực thương mại điện tử | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi thực hành    |
| 12 | Kinh tế lượng                       | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc quản trị doanh nghiệp như: Quản trị nhân lực, quản trị marketing, quản trị sản xuất, hàng tồn kho.   | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 13 | Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật thiết lập, thẩm định và đánh giá một dự án đầu tư   | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên                     |

|    |                      |   |   |      |   |
|----|----------------------|---|---|------|---|
|    |                      |   |   |      | Thi viết cuối kỳ                          |
| 14 | Kinh tế quốc tế      | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế quốc tế; chính sách chuyển dịch nguồn lực kinh tế quốc tế.   | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 15 | Tài chính – Tín dụng | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về mối quan hệ kinh tế giữa các thực thể tài chính phát sinh trong quá trình hình thành, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính.  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 16 | Thống kê kinh doanh  | Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê, các phương pháp thống kê nghiệp vụ kinh doanh và những kỹ năng vận dụng vào thực tiễn ở các doanh nghiệp  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 17 | Luật kinh doanh      | Học phần trang bị cho sinh viên các lý luận cơ bản về luật kinh doanh, pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật về hợp đồng trong thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh   | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 18 | Quản trị nhân lực    | Học phần giúp người học hiểu biết những vấn đề chung trong quản trị nhân lực như vai trò, nguyên tắc, chức năng và chiến lược quản trị nhân lực; đồng thời hiểu rõ những nội dung cụ thể trong công tác quản trị nguồn nhân lực | 4 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 19 | Quản trị chất lượng  | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý chất lượng như các lý thuyết quản lý chất lượng; Vai trò của quản lý chất lượng trong các tổ chức  | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 20 | Quản trị bán hàng    | Cung cấp các kiến thức về môi trường kinh doanh trong nền kinh tế thị trường; mối liên hệ giữa chiến lược kinh doanh, chiến lược marketing với quản trị bán hàng.   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 21 | Quản trị tài chính   | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp như: Phân tích yếu tố lãi suất trong các quyết định tài chính; quản lý vốn cố định và vốn lưu động; định giá cổ phiếu và trái phiếu.           | 4 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |                                |  |   |      |   |
|----|--------------------------------|--|---|------|---|
| 22 | Quản trị văn phòng             | Quản trị văn phòng giúp sinh viên giải quyết các vấn đề cơ bản trong phạm vi hoạt động của văn thư: như phương pháp lên kế hoạch, tổ chức sắp xếp, chuẩn bị cho tổ chức các hội nghị, cuộc họp trong phạm vi văn phòng.  | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |
| 23 | Quản trị Marketing             | Học phần cung cấp cho người học những nội dung về quản trị marketing như: Bản chất Marketing, phân tích đối thủ cạnh tranh, chiến lược khác biệt hóa và định vị, chiến lược phát triển sản phẩm mới và chiến lược marketing theo chu kỳ sống của sản phẩm, quản trị marketing hỗn hợp                | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |
| 24 | Tiếng Anh Chuyên ngành         | Trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành tiếng anh dùng trong môi trường kinh doanh thương mại, kinh tế, có khả năng đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành kinh doanh.   | 2 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |
| 25 | Quản lý nhà nước về kinh tế    | Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và công cụ quản lý kinh tế của nhà nước như vai trò, chức năng và nội quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp,...   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |
| 26 | Tâm lý học quản trị kinh doanh | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong kinh doanh nhằm hiểu được tâm lý học kinh doanh, vấn đề con người trong kinh doanh, các đặc điểm xã hội – tâm lý của giới doanh nhân  | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |
| 27 | Hệ thống thông tin quản lý     | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin trong tổ chức và giới thiệu một số hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |
| 28 | Thực tập tổng hợp              | Thực tập tổng hợp là giai đoạn đầu tiên sinh viên được tiếp cận với doanh nghiệp để bước đầu vận dụng các kiến thức được học trên ghế nhà trường, đồng thời tiếp tục bổ sung thêm các kiến thức, kỹ năng từ thực tế hoạt động của các doanh nghiệp/tổ chức theo hướng dẫn của các khoa chuyên ngành. | 4 | Kỳ 6 | Thi kết thúc học phần<br>hình thức thi<br>Vấn đáp |
| 29 | Quản trị rủi ro                | Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro, nhận dạng rủi ro; đo lường rủi ro.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |
| 30 | Thị trường chứng khoán         | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán và cách thức tiến hành giao dịch trên thị trường chứng khoán chính thức.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |

|    |                                |  |   |      |   |
|----|--------------------------------|--|---|------|---|
| 31 | Quản trị thương hiệu           | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý thương hiệu như quan điểm, chức năng, vai trò, quy trình xây dựng thương hiệu; Tài sản thương hiệu; phương pháp định vị thương hiệu.  | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 32 | Phân tích hoạt động kinh doanh | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm tình hình sản xuất của doanh nghiệp, giá thành sản phẩm, tình hình sử dụng lao động và các vấn đề tài chính của doanh nghiệp. | 4 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 33 | Quản trị chiến lược            | Học phần Quản trị chiến lược nghiên cứu những nguyên lý quản trị chiến lược và vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp .   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 34 | Chuyên đề QTKD                 | Học phần này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng đề cương và viết một chuyên đề về lĩnh vực quản trị doanh nghiệp.  | 3 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 35 | Quản trị doanh nghiệp          | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về môn học Quản trị doanh nghiệp với các môn học bổ trợ ngành khác như: Quản trị sản xuất, Quản trị nhân lực, Quản trị marketing.   | 4 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 36 | Thực tập tốt nghiệp            | Hệ thống hóa các kiến thức đã học đồng thời vận dụng vào thực tiễn   | 6 | Kỳ 8 | Báo cáo                                   |

## 2. Đại học Quản trị kinh doanh K61

| STT | Tên môn học           | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên            |
|-----|-----------------------|---|------------|----------------------|---|
| 1   | Pháp luật đại cương   | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng, về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật cũng như vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. | 3          | Kỳ 1                 | Kiểm tra thường xuyên<br>thi viết cuối kỳ |
| 2   | Kinh tế học đại cương | Học phần giới thiệu các khái niệm, nguyên lý và vấn đề cơ bản nhất của kinh tế học; các học thuyết kinh tế; các ý tưởng lớn làm nền tảng cho việc nghiên cứu kinh tế học và cách tiếp cận vấn đề của các nhà kinh tế                                  | 3          | Kỳ 1                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |                    |  |   |      |   |
|----|--------------------|--|---|------|---|
| 3  | Kinh tế vi mô      | Học phần cung cấp những kiến thức kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường.  | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 4  | Kinh tế vĩ mô      | Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Phân tích và giải thích các chỉ tiêu của nền kinh tế như: tổng sản phẩm quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát ... | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 5  | Kinh tế phát triển | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế của các nước đang phát triển; đặc điểm, nội dung biểu hiện sự tiến bộ của các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế.                          | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 6  | Quản trị học       | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học giúp sinh viên tiếp cận với lịch sử phát triển của các tư tưởng quản trị.   | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 7  | Nguyên lý kế toán  | Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán như đối tượng, nguyên tắc kế toán, các phương pháp kế toán và các nội dung liên quan đến Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.                                  | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 8  | Tin học ứng dụng   | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nhập số liệu, xử lý, mô tả số liệu và tính toán các số liệu trên máy tính nhằm phân tích vấn đề đề xuất kế hoạch, chiến lược, quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp.                     | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi thực hành    |
| 9  | Thuế               | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, nội dung của từng luật thuế và bổ trợ kiến thức cho việc nghiên cứu kinh tế ngành..   | 2 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 10 | Quản trị sản xuất  | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất trong doanh nghiệp. Học phần này giúp cho sinh viên hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm soát trong sản xuất.   | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 11 | Thương mại điện tử | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về máy tính, internet, mạng viễn thông, và kiến thức chung về kinh doanh theo thương mại điện tử. Ứng dụng  | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi thực hành    |

|    |                                     |   |   |      |   |
|----|-------------------------------------|---|---|------|---|
|    |                                     | thương mại điện tử để chia sẻ thông tin một cách hiệu quả, Tiếp cận được với thành tựu mới của khu vực và thế giới trong lĩnh vực thương mại điện tử  |   |      |   |
| 12 | Kinh tế lượng                       | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc quản trị doanh nghiệp như: Quản trị nhân lực, quản trị marketing, quản trị sản xuất, hàng tồn kho.  | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 13 | Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật thiết lập, thẩm định và đánh giá một dự án đầu tư  | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 14 | Kinh tế quốc tế                     | <b>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế quốc tế; chính sách chuyển dịch nguồn lực kinh tế quốc tế.</b>  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 15 | Tài chính – Tín dụng                | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về mối quan hệ kinh tế giữa các thực thể tài chính phát sinh trong quá trình hình thành, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính.  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 16 | Thống kê kinh doanh                 | Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê, các phương pháp thống kê nghiệp vụ kinh doanh và những kỹ năng vận dụng vào thực tiễn ở các doanh nghiệp  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 17 | Luật kinh doanh                     | Học phần trang bị cho sinh viên các lý luận cơ bản về luật kinh doanh, pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật về hợp đồng trong thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh   | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 18 | Quản trị nhân lực                   | Học phần giúp người học hiểu biết những vấn đề chung trong quản trị nhân lực như vai trò, nguyên tắc, chức năng và chiến lược quản trị nhân lực; đồng thời hiểu rõ những nội dung cụ thể trong công tác quản trị nguồn nhân lực | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 19 | Quản trị chất lượng                 | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý chất lượng như các lý thuyết quản lý chất lượng; Vai trò của quản lý chất lượng trong các tổ chức  | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |                                |  |   |      |  |
|----|--------------------------------|--|---|------|--|
| 20 | Quản trị bán hàng              | Cung cấp các kiến thức về môi trường kinh doanh trong nền kinh tế thị trường; mối liên hệ giữa chiến lược kinh doanh, chiến lược marketing với quản trị bán hàng.  | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 21 | Quản trị tài chính             | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp như: Phân tích yếu tố lãi suất trong các quyết định tài chính; quản lý vốn cố định và vốn lưu động; định giá cổ phiếu và trái phiếu.  | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 22 | Quản trị văn phòng             | Quản trị văn phòng giúp sinh viên giải quyết các vấn đề cơ bản trong phạm vi hoạt động của văn thư: như phương pháp lên kế hoạch, tổ chức sắp xếp, chuẩn bị cho tổ chức các hội nghị, cuộc họp trong phạm vi văn phòng.  | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 23 | Quản trị Marketing             | Học phần cung cấp cho người học những nội dung về quản trị marketing như: Bản chất Marketing, phân tích đối thủ cạnh tranh, chiến lược khác biệt hóa và định vị, chiến lược phát triển sản phẩm mới và chiến lược marketing theo chu kỳ sống của sản phẩm, quản trị marketing hỗn hợp                | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 24 | Tiếng Anh Chuyên ngành         | Trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành tiếng anh dùng trong môi trường kinh doanh thương mại, kinh tế, có khả năng đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành kinh doanh.   | 2 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 25 | Quản lý nhà nước về kinh tế    | Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và công cụ quản lý kinh tế của nhà nước như vai trò, chức năng và nội quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp,...   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 26 | Tâm lý học quản trị kinh doanh | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong kinh doanh nhằm hiểu được tâm lý học kinh doanh, vấn đề con người trong kinh doanh, các đặc điểm xã hội – tâm lý của giới doanh nhân  | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 27 | Hệ thống thông tin quản lý     | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin trong tổ chức và giới thiệu một số hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 28 | Thực tập tổng hợp              | Thực tập tổng hợp là giai đoạn đầu tiên sinh viên được tiếp cận với doanh nghiệp để bước đầu vận dụng các kiến thức được học trên ghế nhà trường, đồng thời tiếp tục bổ sung thêm các kiến thức, kỹ năng từ thực tế hoạt động của các doanh nghiệp/tổ chức theo hướng dẫn của các khoa chuyên ngành. | 4 | Kỳ 6 | Thi kết thúc học phần hình thức thi<br>Vấn đáp |



|    |                                |  |   |      |   |
|----|--------------------------------|--|---|------|---|
| 29 | Quản trị rủi ro                | Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro, nhận dạng rủi ro; đo lường rủi ro.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 30 | Thị trường chứng khoán         | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán và cách thức tiến hành giao dịch trên thị trường chứng khoán chính thức.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 31 | Quản trị thương hiệu           | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý thương hiệu như quan điểm, chức năng, vai trò, quy trình xây dựng thương hiệu; Tài sản thương hiệu; phương pháp định vị thương hiệu.  | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 32 | Phân tích hoạt động kinh doanh | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm tình hình sản xuất của doanh nghiệp, giá thành sản phẩm, tình hình sử dụng lao động và các vấn đề tài chính của doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 33 | Quản trị chiến lược            | Học phần Quản trị chiến lược nghiên cứu những nguyên lý quản trị chiến lược và vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp .   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 34 | Chuyên đề QTKD                 | Học phần này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng đề cương và viết một chuyên đề về lĩnh vực quản trị doanh nghiệp.  | 3 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 35 | Quản trị doanh nghiệp          | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về môn học Quản trị doanh nghiệp với các môn học bổ trợ ngành khác như: Quản trị sản xuất, Quản trị nhân lực, Quản trị marketing.   | 4 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 36 | Thực tập tốt nghiệp            | Hệ thống hóa các kiến thức đã học đồng thời vận dụng vào thực tiễn   |   | Kỳ 8 | Báo cáo                                   |

### 3. Đại học Quản trị kinh doanh K62

| STT | Tên môn học         | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Pháp luật đại cương | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng, về quy phạm | 3          | Kỳ 1                 | Kiểm tra thường xuyên          |

|   |                       |  |   |      |   |
|---|-----------------------|--|---|------|---|
|   |                       | pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật cũng như vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.   |   |      | thi viết cuối kỳ                          |
| 2 | Kinh tế học đại cương | Học phần giới thiệu các khái niệm, nguyên lý và vấn đề cơ bản nhất của kinh tế học; các học thuyết kinh tế; các ý tưởng lớn làm nền tảng cho việc nghiên cứu kinh tế học và cách tiếp cận vấn đề của các nhà kinh tế                                   | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 3 | Kinh tế vi mô         | Học phần cung cấp những kiến thức kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường.  | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 4 | Kinh tế vĩ mô         | Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Phân tích và giải thích các chỉ tiêu của nền kinh tế như: tổng sản phẩm quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát ... | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 5 | Kinh tế phát triển    | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế của các nước đang phát triển; đặc điểm, nội dung biểu hiện sự tiến bộ của các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế.                          | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 6 | Quản trị học          | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học giúp sinh viên tiếp cận với lịch sử phát triển của các tư tưởng quản trị.   | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 7 | Nguyên lý kế toán     | Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán như đối tượng, nguyên tắc kế toán, các phương pháp kế toán và các nội dung liên quan đến Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.                                  | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 8 | Tin học ứng dụng      | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nhập số liệu, xử lý, mô tả số liệu và tính toán các số liệu trên máy tính nhằm phân tích vấn đề để đề xuất kế hoạch, chiến lược, quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp.                  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi thực hành    |
| 9 | Thuế                  | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, nội dung của từng luật thuế và bổ trợ kiến thức cho việc nghiên cứu kinh tế ngành..   | 2 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |                                     |  |   |      |   |
|----|-------------------------------------|--|---|------|---|
| 10 | Quản trị sản xuất                   | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất trong doanh nghiệp. Học phần này giúp cho sinh viên hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm soát trong sản xuất.   | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 11 | Thương mại điện tử                  | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về máy tính, internet, mạng viễn thông, và kiến thức chung về kinh doanh theo thương mại điện tử. Ứng dụng thương mại điện tử để chia sẻ thông tin một cách hiệu quả, Tiếp cận được với thành tựu mới của khu vực và thế giới trong lĩnh vực thương mại điện tử | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi thực hành    |
| 12 | Kinh tế lượng                       | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc quản trị doanh nghiệp như: Quản trị nhân lực, quản trị marketing, quản trị sản xuất, hàng tồn kho.   | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 13 | Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật thiết lập, thẩm định và đánh giá một dự án đầu tư   | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 14 | Kinh tế quốc tế                     | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế quốc tế; chính sách chuyển dịch nguồn lực kinh tế quốc tế.  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 15 | Tài chính – Tín dụng                | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về mối quan hệ kinh tế giữa các thực thể tài chính phát sinh trong quá trình hình thành, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính.   | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 16 | Thống kê kinh doanh                 | Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê, các phương pháp thống kê nghiệp vụ kinh doanh và những kỹ năng vận dụng vào thực tiễn ở các doanh nghiệp   | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 17 | Luật kinh doanh                     | Học phần trang bị cho sinh viên các lý luận cơ bản về luật kinh doanh, pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật về hợp đồng trong thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |                                |   |   |      |   |
|----|--------------------------------|---|---|------|---|
| 18 | Quản trị nhân lực              | Học phần giúp người học hiểu biết những vấn đề chung trong quản trị nhân lực như vai trò, nguyên tắc, chức năng và chiến lược quản trị nhân lực; đồng thời hiểu rõ những nội dung cụ thể trong công tác quản trị nguồn nhân lực   | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 19 | Quản trị chất lượng            | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý chất lượng như các lý thuyết quản lý chất lượng; Vai trò của quản lý chất lượng trong các tổ chức  | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 20 | Quản trị bán hàng              | Cung cấp các kiến thức về môi trường kinh doanh trong nền kinh tế thị trường; mối liên hệ giữa chiến lược kinh doanh, chiến lược marketing với quản trị bán hàng.   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 21 | Quản trị tài chính             | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp như: Phân tích yếu tố lãi suất trong các quyết định tài chính; quản lý vốn cố định và vốn lưu động; định giá cổ phiếu và trái phiếu.   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 22 | Quản trị văn phòng             | Quản trị văn phòng giúp sinh viên giải quyết các vấn đề cơ bản trong phạm vi hoạt động của văn thư: như phương pháp lên kế hoạch, tổ chức sắp xếp, chuẩn bị cho tổ chức các hội nghị, cuộc họp trong phạm vi văn phòng.   | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 23 | Quản trị Marketing             | Học phần cung cấp cho người học những nội dung về quản trị marketing như: Bản chất Marketing, phân tích đối thủ cạnh tranh, chiến lược khác biệt hóa và định vị, chiến lược phát triển sản phẩm mới và chiến lược marketing theo chu kỳ sống của sản phẩm, quản trị marketing hỗn hợp | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 24 | Tiếng Anh Chuyên ngành         | Trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành tiếng anh dùng trong môi trường kinh doanh thương mại, kinh tế, có khả năng đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành kinh doanh.  | 2 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 25 | Quản lý nhà nước về kinh tế    | Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và công cụ quản lý kinh tế của nhà nước như vai trò, chức năng và nội quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp,...  | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 26 | Tâm lý học quản trị kinh doanh | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong kinh doanh nhằm hiểu được tâm lý học kinh doanh, vấn đề con người trong kinh doanh, các đặc điểm xã hội – tâm lý của giới doanh nhân   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |                                 |  |   |      |   |
|----|---------------------------------|--|---|------|---|
| 27 | Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo để có thể tự phát triển kinh doanh trong tương lai   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |
| 28 | Thực tập tổng hợp               | Thực tập tổng hợp là giai đoạn đầu tiên sinh viên được tiếp cận với doanh nghiệp để bước đầu vận dụng các kiến thức được học trên ghế nhà trường, đồng thời tiếp tục bổ sung thêm các kiến thức, kỹ năng từ thực tế hoạt động của các doanh nghiệp/tổ chức theo hướng dẫn của các khoa chuyên ngành. | 3 | Kỳ 6 | Thi kết thúc học phần<br>hình thức thi<br>Vấn đáp |
| 29 | Quản trị rủi ro                 | Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro, nhận dạng rủi ro; đo lường rủi ro.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |
| 30 | Thị trường chứng khoán          | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán và cách thức tiến hành giao dịch trên thị trường chứng khoán chính thức.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |
| 31 | Quản trị thương hiệu            | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý thương hiệu như quan điểm, chức năng, vai trò, quy trình xây dựng thương hiệu; Tài sản thương hiệu; phương pháp định vị thương hiệu.  | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |
| 32 | Phân tích hoạt động kinh doanh  | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm tình hình sản xuất của doanh nghiệp, giá thành sản phẩm, tình hình sử dụng lao động và các vấn đề tài chính của doanh nghiệp.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |
| 33 | Quản trị chiến lược             | Học phần Quản trị chiến lược nghiên cứu những nguyên lý quản trị chiến lược và vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp .   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |
| 34 | Chuyên đề QTKD                  | Học phần này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng đề cương và viết một chuyên đề về lĩnh vực quản trị doanh nghiệp.  | 3 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |
| 35 | Quản trị doanh nghiệp           | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về môn học Quản trị doanh nghiệp với các môn học bổ trợ ngành khác như: Quản trị sản xuất, Quản trị nhân lực, Quản trị marketing.   | 4 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ         |
| 36 | Thực tập tốt nghiệp             | Hệ thống hóa các kiến thức đã học đồng thời vận dụng vào thực tiễn   | 6 | Kỳ 8 | Báo cáo   |

#### 4. Đại học Quản trị kinh doanh K63 ( dự kiến triển khai)

| STT | Tên môn học           | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên                 |
|-----|-----------------------|--|------------|----------------------|--|
| 1   | Pháp luật đại cương   | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng, về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật cũng như vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.  | 3          | Kỳ 1                 | Kiểm tra thường xuyên<br>thi viết cuối kỳ      |
| 2   | Kinh tế học đại cương | Học phần giới thiệu các khái niệm, nguyên lý và vấn đề cơ bản nhất của kinh tế học; các học thuyết kinh tế; các ý tưởng lớn làm nền tảng cho việc nghiên cứu kinh tế học và cách tiếp cận vấn đề của các nhà kinh tế                                   | 3          | Kỳ 1                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 3   | Kinh tế vi mô         | Học phần cung cấp những kiến thức kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường.  | 3          | Kỳ 1                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 4   | Kinh tế vĩ mô         | Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và các nguyên lí cơ bản về hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Phân tích và giải thích các chỉ tiêu của nền kinh tế như: tổng sản phẩm quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát ... | 3          | Kỳ 2                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 5   | Triết học Mác-Lênin   | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về triết học Mác – Lênin, trọng tâm là triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử           | 3          | Kỳ 2                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 6   | Tin học               | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ bản tin học, công nghệ thông tin, máy tính điện tử, hệ điều hành và ngôn ngữ lập trình căn bản   | 2          | Kỳ 2                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi thực hành cuối kỳ |
| 7   | Toán cao cấp C        | Cung cấp các kiến thức về giới hạn, phép tính vi phân, tích phân hàm một biến; phương trình vi phân; ma trận, định thức.   | 3          | Kỳ 2                 |  |

|    |                               |  |   |      |   |
|----|-------------------------------|--|---|------|---|
| 8  | Xác suất thống kê             | Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xác suất – Thống kê để phục vụ trong học tập và nghiên cứu chuyên môn và ứng dụng giải quyết các bài toán thực tế về chuyên môn.  | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 9  | Tiếng Anh 1                   | sinh viên có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về ngôn ngữ như từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm tiếng Anh vào giao tiếp ở trình độ tiền B1 (theo Khung tham chiếu Châu Âu) với các chủ đề thường gặp trong đời sống hằng ngày  | 2 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 10 | Giáo dục thể chất 1           |  |   | Kỳ 2 |   |
| 11 | Kinh tế phát triển            | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế của các nước đang phát triển; đặc điểm, nội dung biểu hiện sự tiến bộ của các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế.  | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 12 | Quản trị học                  | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học giúp sinh viên tiếp cận với lịch sử phát triển của các tư tưởng quản trị.   | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 13 | Nguyên lý kế toán             | Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán như đối tượng, nguyên tắc kế toán, các phương pháp kế toán và các nội dung liên quan đến Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.  | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 14 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | trang bị hệ thống tri thức lý luận cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới ngày nay   | 2 | 2    | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 15 | Chủ nghĩa xã hội khoa học     | trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về CNXH KH, từ đó nhằm hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về chính trị - xã hội liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam | 2 | 2    | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 16 | Marketing căn bản             | trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về marketing   |   | 2    |   |

|    |                                     |  |   |      |   |
|----|-------------------------------------|--|---|------|---|
| 17 | Tiếng Anh 2                         | Kết thúc học phần Tiếng Anh 2, sinh viên có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về tiếng Anh vào giao tiếp ở trình độ tiền B1 với các chủ đề, chủ điểm như: gia đình và những người thân yêu, đi du lịch, thành thị và nông thôn, mua sắm   |   | 2    | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 18 | Giáo dục thể chất 2                 |  |   | 2    |   |
| 19 | Tin học ứng dụng trong kinh doanh   | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nhập số liệu, xử lý, mô tả số liệu và tính toán các số liệu trên máy tính nhằm phân tích vấn đề đề xuất kế hoạch, chiến lược, quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp.   | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi thực hành    |
| 20 | Thuế                                | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, nội dung của từng luật thuế và hỗ trợ kiến thức cho việc nghiên cứu kinh tế ngành..   | 2 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 21 | Quản trị sản xuất                   | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất trong doanh nghiệp. Học phần này giúp cho sinh viên hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm soát trong sản xuất.   | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 22 | Thương mại điện tử                  | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về máy tính, internet, mạng viễn thông, và kiến thức chung về kinh doanh theo thương mại điện tử. Ứng dụng thương mại điện tử để chia sẻ thông tin một cách hiệu quả, Tiếp cận được với thành tựu mới của khu vực và thế giới trong lĩnh vực thương mại điện tử | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi thực hành    |
| 23 | Kinh tế lượng                       | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc quản trị doanh nghiệp như: Quản trị nhân lực, quản trị marketing, quản trị sản xuất, hàng tồn kho.   | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 24 | Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật thiết lập, thẩm định và đánh giá một dự án đầu tư   | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 25 | Kinh tế quốc tế                     | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế quốc tế; chính sách chuyển dịch nguồn lực kinh tế quốc tế.  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |



|    |                             |  |   |      |   |
|----|-----------------------------|--|---|------|---|
| 26 | Tài chính – Tín dụng        | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về mối quan hệ kinh tế giữa các thực thể tài chính phát sinh trong quá trình hình thành, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính.   | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 27 | Thống kê kinh doanh         | Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê, các phương pháp thống kê nghiệp vụ kinh doanh và những kỹ năng vận dụng vào thực tiễn ở các doanh nghiệp   | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 28 | Luật kinh doanh             | Học phần trang bị cho sinh viên các lý luận cơ bản về luật kinh doanh, pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật về hợp đồng trong thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 29 | Tư tưởng Hồ Chí Minh        | Học phần trang bị cho sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh  | 2 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 30 | Luật kinh doanh             | Học phần trang bị cho sinh viên các lý luận cơ bản về luật kinh doanh, pháp luật chủ thể kinh doanh, pháp luật về hợp đồng trong thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 31 | Thị trường tài chính        | cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: tổng quan về thị trường tài chính; thị trường tiền tệ; thị trường ngoại hối; những vấn đề cơ bản về thị trường chứng khoán; thị trường sơ cấp; thị trường thứ cấp; phân tích chứng khoán và đầu tư. | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 32 | Phân tích báo cáo tài chính | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp, tình hình kinh doanh và vấn đề tài chính trong doanh nghiệp  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 33 | Giáo dục thể chất 3         |  |   | Kỳ 3 |   |

|    |                                |   |   |      |   |
|----|--------------------------------|---|---|------|---|
| 34 | Quản trị nhân lực              | Học phần giúp người học hiểu biết những vấn đề chung trong quản trị nhân lực như vai trò, nguyên tắc, chức năng và chiến lược quản trị nhân lực; đồng thời hiểu rõ những nội dung cụ thể trong công tác quản trị nguồn nhân lực   | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 35 | Quản trị chất lượng            | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý chất lượng như các lý thuyết quản lý chất lượng; Vai trò của quản lý chất lượng trong các tổ chức  | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 36 | Quản trị bán hàng              | Cung cấp các kiến thức về môi trường kinh doanh trong nền kinh tế thị trường; mối liên hệ giữa chiến lược kinh doanh, chiến lược marketing với quản trị bán hàng.   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 37 | Quản trị tài chính             | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp như: Phân tích yếu tố lãi suất trong các quyết định tài chính; quản lý vốn cố định và vốn lưu động; định giá cổ phiếu và trái phiếu.   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 38 | Quản trị văn phòng             | Quản trị văn phòng giúp sinh viên giải quyết các vấn đề cơ bản trong phạm vi hoạt động của văn thư: như phương pháp lên kế hoạch, tổ chức sắp xếp, chuẩn bị cho tổ chức các hội nghị, cuộc họp trong phạm vi văn phòng.   | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 39 | Quản trị Marketing             | Học phần cung cấp cho người học những nội dung về quản trị marketing như: Bản chất Marketing, phân tích đối thủ cạnh tranh, chiến lược khác biệt hóa và định vị, chiến lược phát triển sản phẩm mới và chiến lược marketing theo chu kỳ sống của sản phẩm, quản trị marketing hỗn hợp | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 40 | Tiếng Anh Chuyên ngành         | Trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành tiếng anh dùng trong môi trường kinh doanh thương mại, kinh tế, có khả năng đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành kinh doanh.  | 2 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 41 | Quản lý nhà nước về kinh tế    | Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và công cụ quản lý kinh tế của nhà nước như vai trò, chức năng và nội quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp,...  | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 42 | Tâm lý học quản trị kinh doanh | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong kinh doanh nhằm hiểu được tâm lý học kinh doanh, vấn đề con người trong kinh doanh, các đặc điểm xã hội – tâm lý của giới doanh nhân   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |                                    |  |   |      |  |
|----|------------------------------------|--|---|------|--|
| 43 | Nghiên cứu khoa học và Khởi nghiệp | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo để có thể tự phát triển kinh doanh trong tương lai   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 44 | Hệ thống thông tin quản lý         | trang bị những kiến thức cơ bản và toàn diện về hệ thống thông tin quản lý. Giúp sinh viên nhận thức được vai trò chiến lược của các hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh bằng cách hỗ trợ ra quyết định và tạo ra lợi thế cạnh tranh cho tổ chức                          | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 45 | Tín dụng và thanh toán quốc tế     | Học phần nghiên cứu những vấn đề thuộc lĩnh vực thanh toán quốc tế, tiền tệ và tín dụng quốc tế. Trong đó, thanh toán quốc tế  | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 46 | Thực tập tổng hợp                  | Thực tập tổng hợp là giai đoạn đầu tiên sinh viên được tiếp cận với doanh nghiệp để bước đầu vận dụng các kiến thức được học trên ghế nhà trường, đồng thời tiếp tục bổ sung thêm các kiến thức, kỹ năng từ thực tế hoạt động của các doanh nghiệp/tổ chức theo hướng dẫn của các khoa chuyên ngành. | 3 | Kỳ 6 | Thi kết thúc học phần hình thức thi<br>Vấn đáp |
| 47 | Quản trị rủi ro                    | Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro, nhận dạng rủi ro; đo lường rủi ro.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 48 | Thị trường chứng khoán             | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán và cách thức tiến hành giao dịch trên thị trường chứng khoán chính thức.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 49 | Quản trị thương hiệu               | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về quản lý thương hiệu như quan điểm, chức năng, vai trò, quy trình xây dựng thương hiệu; Tài sản thương hiệu; phương pháp định vị thương hiệu.  | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 50 | Phân tích hoạt động kinh doanh     | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm tình hình sản xuất của doanh nghiệp, giá thành sản phẩm, tình hình sử dụng lao động và các vấn đề tài chính của doanh nghiệp.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |

|    |                       |  |   |      |   |
|----|-----------------------|--|---|------|---|
| 51 | Quản trị chiến lược   | Học phần Quản trị chiến lược nghiên cứu những nguyên lý quản trị chiến lược và vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp .   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 52 | Đạo đức kinh doanh    | giới thiệu tổng quan về các khái niệm và vấn đề đạo đức kinh doanh, các triết lý đạo đức trong kinh doanh và các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của công ty, các phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh, một số tình huống điển hình về đạo đức kinh doanh | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 53 | Tài chính tiền tệ     | trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản có tính hệ thống như Lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; Lý luận cơ bản về tiền tệ   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 54 | Chiến lược giá        | cung cấp cho người các kiến thức để xác định giá của một sản phẩm hay dịch vụ định giá thông qua kênh tiếp thị và dựa trên 3C  | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 55 | Chuyên đề QTKD        | Học phần này giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng đề cương và viết một chuyên đề về lĩnh vực quản trị doanh nghiệp.  | 3 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 56 | Quản trị doanh nghiệp | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về môn học Quản trị doanh nghiệp với các môn học bổ trợ ngành khác như: Quản trị sản xuất, Quản trị nhân lực, Quản trị marketing.   | 4 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 57 | Thực tập tốt nghiệp   | Hệ thống hóa các kiến thức đã học đồng thời vận dụng vào thực tiễn   | 6 | Kỳ 8 | Báo cáo                                   |

Quảng Bình, ngày 30 tháng 10 năm 2021

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**TRƯỞNG KHOA**

**NGUYỄN VĂN CHUNG**

**TS. TRẦN TỰ LỰC**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH  
**KHOA KINH TẾ - DU LỊCH**  
**BỘ MÔN KẾ TOÁN**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học  
năm học 2021 -2022**

**C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành**

**1. ĐẠI HỌC KẾ TOÁN KHÓA 60**

| STT | Tên môn học                                    | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên            |
|-----|--|--|------------|----------------------|---|
| 1   | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về triết học Mác – Lênin, trọng tâm là triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử   | 5          | Kỳ 1, 2              | Kiểm tra thường xuyên<br>thi viết cuối kỳ |
| 2   | Tư tưởng Hồ Chí Minh                           | Học phần trang bị cho sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh  | 2          | Kỳ 3                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 3   | Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam           | Được ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ+BGĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.  | 3          | Kỳ 4                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 4   | Pháp luật đại cương                            | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng, về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật cũng như vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. Ngoài ra học phần còn bao gồm những kiến thức cơ | 2          | Kỳ 1                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|   |  |   |   |      |  |
|---|--|---|---|------|--|
|   |  | bản về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vấn đề pháp chế xã hội chủ nghĩa.  |   |      |  |
| 5 | Toán cao cấp C                                 | Cung cấp các kiến thức về giới hạn, phép tính vi phân, tích phân hàm một biến; phương trình vi phân; ma trận, định thức.  | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 6 | Tin học đại cương                              | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ bản tin học, công nghệ thông tin, máy tính điện tử, hệ điều hành và ngôn ngữ lập trình căn bản bao gồm các khái niệm cơ bản, hằng, biến, mảng, biểu thức, các toán tử điều khiển...để viết được một chương trình hoàn chỉnh.  | 2 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi thực hành cuối kỳ |
| 7 | Phương pháp NCKH-Sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp | Giới thiệu những vấn đề cơ bản như: khái niệm về nghiên cứu khoa học và đề tài NCKH, đặc điểm của NCKH, cấu trúc một công trình khoa học, các giai đoạn, các bước tiến hành và phương pháp NCKH của một đề tài khoa học. Kỹ năng truyền đạt thông tin và trình bày seminar. Sinh viên vận dụng để làm bài tập nghiên cứu, đề tài khoa học, tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 8 | Xác suất thống kê                              | Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xác suất – Thống kê để phục vụ trong học tập và nghiên cứu chuyên môn và ứng dụng giải quyết các bài toán thực tế về chuyên môn.   | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 9 | <i>Kinh tế học đại cương</i>                   | Nhận thức các lý thuyết cung cầu hàng hoá và giá cả thị trường, nguyên lý về hành vi tiêu dùng, hành vi sản xuất; tiếp cận các phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế cơ bản liên quan đến sản lượng và thu nhập ở phạm vi doanh nghiệp và phạm vi quốc gia; mô tả mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế; nguyên lý xây dựng phương trình, đồ thị cung - cầu, tổng cung - tổng cầu. Phân tích quan hệ cung cầu hàng hoá và xác định giá cân bằng; phân tích hành vi người tiêu dùng và hành vi nhà sản xuất trong cơ chế thị trường; giải thích sự biến động của nền kinh tế cũng như tác động của các chính sách đối với nền kinh tế; phân tích các thông tin kinh tế thị trường | 2 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |

|    |                     |   |   |      |   |
|----|---------------------|---|---|------|---|
| 10 | Kinh tế vi mô       | Học phần nghiên cứu những kiến thức kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường. Là môn khoa học về lựa chọn, Kinh tế vi mô nghiên cứu các vấn đề cơ bản của lựa chọn; Tính quy luật và xu hướng vận động của kinh tế vi mô; Những khuyết tật của kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ thông qua các nội dung như: Cung và cầu về hàng hóa; Cung và cầu về lao động; Sản xuất, chi phí và lợi nhuận; Cạnh tranh và độc quyền; Hạn chế của thị trường và vai trò của chính phủ...  | 3 | Kỳ 1 |   |
| 11 | Kinh tế vĩ mô       | Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Phân tích và giải thích các chỉ tiêu của nền kinh tế như: tổng sản phẩm quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát ..., cách xác định sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm tỉ giá hối đoái, cán cân thanh toán và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính Phủ trong việc điều hành nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế cụ thể trong từng thời kì. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 12 | Tài chính – Tiền tệ | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại cương tiền tệ và tài chính; ngân sách nhà nước; tài chính doanh nghiệp; thị trường tài chính; các tổ chức tài chính trung gian; ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia.  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 13 | Luật kế toán        | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản về: Hệ thống pháp luật về kế toán doanh nghiệp Việt Nam, những nội dung cơ bản của luật kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành, các nguyên tắc và nội dung cơ bản của chuẩn mực kế toán Việt Nam,  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |  |   |      |   |
|----|---|--|---|------|---|
|    |   | các nguyên tắc xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và nội dung cơ bản của 26 chuẩn mực Kế toán Việt Nam.  |   |      |   |
| 14 | Nguyên lý thống kê                                | Học phần trang bị các kiến thức về thống kê học, các đặc trưng thống kê; các phương pháp thống kê như phương pháp chỉ số, dãy số thời gian.  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 15 | Marketing căn bản                                 | Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quan niệm, định nghĩa, hệ thống thông tin, lập kế hoạch, chiến lược, tổ chức Marketing, quá trình phân đoạn thị trường, các hành vi khách hàng, hành vi mua của người tiêu dùng và doanh nghiệp; các khái niệm, vai trò và thuộc tính của sản phẩm, hệ thống định vị, phân phối sản phẩm                                      | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 16 | Quản trị học                                      | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học giúp sinh viên tiếp cận với lịch sử phát triển của các tư tưởng quản trị; nắm bắt được những vấn đề cơ bản trong một tổ chức như: Tổ chức, môi trường hoạt động của tổ chức, nhà quản trị, các quyết định của nhà quản trị và các chức năng quản trị.   | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 17 | Tài chính doanh nghiệp                            | Học phần Tài chính doanh nghiệp trình bày những nội dung cơ bản sau: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp, khái niệm giá trị theo thời gian của tiền và các dạng toán ứng dụng; Vốn kinh doanh của doanh nghiệp và lượng giá cổ phiếu và trái phiếu; Chi phí sử dụng vốn: trình bày cách tính chi phí để sử dụng các loại vốn trong doanh nghiệp; Phân tích các báo cáo tài chính trong doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 18 | Nguyên lý kế toán<br><i>Accounting Principles</i> | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán như: Khái niệm, đối tượng và lịch sử hình thành và phát triển của kế toán; đặc điểm của kế toán; các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; các phương pháp kế toán như chứng từ, tính giá, tài khoản và ghi kép, phương pháp tổng hợp và  | 3 | Kỳ 2 |   |



|    |   |  |   |      |   |
|----|---|--|---|------|---|
|    |   | cân đối kế toán, phương pháp kế toán một số quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.   |   |      |   |
| 19 | Kinh tế lượng<br><i>Econometrics</i>                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng thiết kế các bước phân tích, ước lượng một vấn đề kinh tế thông qua mối quan hệ các biến số liên quan cả khía cạnh định tính và định lượng.</li> <li>- Phân tích mô hình hồi quy thông qua các biến số kinh tế gồm nhiều dạng khác nhau: mô hình tuyến tính, mô hình phi tuyến...</li> <li>- Nhận dạng các khuyết tật của mô hình hồi quy gồm các hiện tượng đa cộng tuyến, tự tương quan, phương sai sai số thay đổi...</li> <li>- Khả năng vận dụng các công cụ toán kinh tế để phân tích, thống kê các vấn đề trong kinh tế.</li> </ul> | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi thực hành    |
| 20 | Tiếng Anh chuyên ngành 1<br><i>English Accounting 1</i> | <p>Sinh viên hiểu được một lượng từ vựng, thuật ngữ liên quan đến chuyên ngành kế toán, thông qua các bài học có các chủ điểm như: Kế toán, Kiểm toán, Kế toán thuế, Kế toán quản trị, Báo cáo tài chính...</p> <p>Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu kết hợp với các kỹ năng nghe, nói, viết Tiếng Anh thông qua việc thực hiện các bài tập cụ thể. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hành thảo luận, chia sẻ thông tin, tiếp cận các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là chuyên ngành tài chính, kế toán</p>  | 2 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 21 | Tiếng Anh chuyên ngành 2<br><i>English Accounting 2</i> | <p>Sinh viên hiểu một lượng từ vựng, thuật ngữ liên quan đến chuyên ngành kế toán, thông qua các bài học có các chủ điểm như: Kế toán, Các giả định và nguyên lý kế toán, Khấu hao, Bảng cân đối kế toán, Kế toán chi phí, Tỷ giá hối đoái, Chỉ số tài chính.</p> <p>Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu kết hợp với các kỹ năng nghe, nói, viết Tiếng Anh thông qua việc thực hiện các bài tập cụ thể. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hành thảo luận, chia sẻ thông tin, tiếp cận các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là chuyên ngành tài chính, kế toán.</p>                           | 2 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |   |   |      |   |
|----|---|---|---|------|---|
| 22 | <b>Thuế</b><br><i>Taxation System</i>                           | Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về thuế, tầm quan trọng, tác động của việc đánh thuế đến nền kinh tế, nguyên tắc xác lập các loại thuế khác nhau. Trên cơ sở lý luận chung, môn học đi sâu nghiên cứu nội dung cơ bản của một số sắc thuế chủ yếu hiện hành ở Việt nam như: Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt,, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân.  | 2 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi thực hành    |
| 23 | Kế toán tài chính 1<br><i>Financial Accounting I</i>            | Học phần kế toán tài chính 1 trình bày các vấn đề liên quan đến những vấn đề chung của kế toán tài chính bao gồm nhiệm vụ, yêu cầu của kế toán, các nguyên tắc kế toán, các chuẩn mực và luật kế toán có liên quan. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức từ tổng quan đến chi tiết các phân hành kế toán liên quan như kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. | 4 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 24 | Kế toán quản trị<br><i>Management Accounting</i>                | Học phần trang bị kiến thức tổng quan về kế toán quản trị, bao gồm: Lịch sử hình thành, phát triển của kế toán quản trị; Phân loại chi phí trong doanh nghiệp; Phân tích mối quan hệ chi phí – sản lượng – lợi nhuận; Lập dự toán sản xuất kinh doanh; Lựa chọn thông tin trong việc ra quyết định ngắn hạn; Lựa chọn thông tin trong việc ra quyết định dài hạn.   | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 25 | <b>Tin học ứng dụng kế toán</b><br><i>Informtics Accounting</i> | Nội dung học phần được thể hiện trong 07 chương với các nội dung cơ bản nghiên cứu khái quát về hệ thống thông tin kế toán, nghiên cứu công tác tổ chức dữ liệu kế toán trong điều kiện ứng dụng Excel, nghiên cứu phương pháp lập các bảng biểu, sổ, báo cáo kế toán tài chính bằng phần mềm bảng tính Excel trong điều kiện áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.  | 3 | Kỳ 5 | Thực hành                                 |
| 26 | Kiểm toán<br><i>Auditing</i>                                    | Nội dung học phần được thể hiện với các nội dung cơ bản sau: Nghiên cứu đại cương và các vấn đề cơ bản về kiểm toán; Nghiên cứu các nội dung  | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |  |   |      |   |
|----|---|--|---|------|---|
|    |   | quan trọng trong công tác kiểm toán; Nghiên cứu các phương pháp và kỹ thuật kiểm toán và quy trình kiểm toán.  |   |      |   |
| 27 | Phân tích hoạt động kinh doanh<br><i>Business Performance Analysis</i>    | Học phần thực hiện các nội dung cơ bản về lý luận chung phân tích kinh doanh và các phương pháp sử dụng, phân tích tình hình sản xuất, các yếu tố sản xuất, giá thành sản phẩm, các yếu tố sản xuất, tình hình tài chính.  | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 28 | Kế toán tài chính 2<br><i>Financial Accounting 2</i>                      | Kế toán tài chính 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Lưu chuyển hàng hóa nội thương (khái niệm, phương thức lưu chuyển hàng hóa, kế toán quá trình mua hàng, kế toán quá trình bán hàng); Lưu chuyển hàng hóa ngoại thương (khái niệm, phương thức xuất nhập khẩu, kế toán mua hàng để xuất khẩu và xuất khẩu hàng, kế toán nhập khẩu hàng và bán hàng nhập khẩu); Kế toán trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ; Kế toán trong doanh nghiệp xây lắp. | 4 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 29 | Kế toán tài chính 3<br><i>Financial Accounting 3</i>                      | Học phần trang bị kiến thức tổng hợp về kế toán tài chính doanh nghiệp, bao gồm: Chứng từ kế toán; Hình thức kế toán và sổ kế toán; Lập và trình bày báo cáo tài chính; Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này chú trọng các kỹ năng thực hành kế toán nhằm hỗ trợ sinh viên xử lý nghiệp vụ thuần thực   | 4 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 30 | Kế toán hành chính sự nghiệp<br><i>Business Administrative Accounting</i> | Kế toán hành chính sự nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức về các vấn đề về kế toán tài chính trong các đơn vị hành chính sự nghiệp bao gồm: Nhiệm vụ và tổ chức công tác kế toán trong đơn vị sự nghiệp; Kế toán nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa; Kế toán tài sản cố định; Kế toán các khoản thanh toán; Kế toán các nguồn kinh phí và các khoản thu chi trong đơn vị công; Báo cáo tài chính trong đơn vị sự nghiệp.                            | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 31 | Kế toán ngân hàng<br><i>Accounting for Banking</i>                        | Học phần nhằm trang bị kiến thức tổng quan về kế toán ngân hàng; Hoạt động ngân quỹ; Hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán; Hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng; Hoạt động thanh toán qua ngân hàng.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |  |   |      |   |
|----|---|--|---|------|---|
| 32 | Tổ chức công tác kế toán<br><i>Accounting organizations</i>                           | Tổ chức công tác kế toán cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản bao gồm: Tổ chức bộ máy và người làm kế toán; Tổ chức thực hiện chế độ chứng từ kế toán; Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản và xây dựng quy trình hạch toán; Tổ chức thực hiện chế độ sổ kế toán; Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo kế toán; Tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra kế toán; Tổ chức thực hiện chế độ kiểm kê tài sản; Tổ chức thực hiện chế độ lưu trữ tài liệu kế toán;  | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 33 | Phần mềm kế toán<br><i>Accounting Software</i>  | Nội dung của học phần chủ yếu đề cập đến những vấn đề cơ bản về phần mềm kế toán, trình bày các vấn đề về thiết lập thông tin về hệ thống, nhập số dư ban đầu theo tài khoản ngân hàng, vật tư hàng hóa, đối tượng tập hợp chi phí, ngoại tệ..., hướng dẫn quy trình hạch toán kế toán trên phần mềm, hướng dẫn tổ chức và mã hóa thông tin và quản trị dữ liệu kế toán bao gồm sao lưu, phục hồi dữ liệu kế toán, xóa dữ liệu kế toán, đổi mật khẩu, sửa thông tin cá nhân, quản lý người dùng, vai trò và quyền hạn, nhật ký truy cập. | 3 | Kỳ 6 | Thực hành                                 |
| 34 | Hệ thống thông tin kế toán 1<br><i>Accounting Information Systems I</i>               | Nội dung học phần bao gồm: Nghiên cứu đại cương và các vấn đề cơ bản về hệ thống thông tin kế toán. Nghiên cứu phương thức tổ chức dữ liệu và mã hóa đối tượng kế toán. Nghiên cứu phương pháp tổ chức và kiểm soát các chu trình doanh thu, cung ứng, chuyển đổi, tài chính.  | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 35 | Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ<br><i>Accounting for medium and small enterprises</i> | Học phần trang bị kiến thức tổng quan về kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bao gồm: Hệ thống tài khoản kế toán, Hệ thống báo cáo tài chính, chế độ chứng từ kế toán, chế độ sổ kế toán.   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 36 | Kế toán thuế<br><i>Tax Accounting</i>   | Học phần kế toán thuế trình bày các vấn đề tổng quan chung và cách hạch toán các loại thuế bao gồm thuế Giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân.  | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 37 | Kế toán chi phí<br><i>Cost Accounting</i>   | Nội dung của học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán chi phí, về phân loại chi   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |  |  |   |      |   |
|----|--|--|---|------|---|
|    |  | phí, qui trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo các mô hình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo chi phí thực tế; chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính; chi phí định mức  |   |      |   |
| 38 | Phân tích báo cáo tài chính<br><i>Financial statement analysis</i>                     | Tổng quan về báo cáo tài chính; Các nội dung phân tích tài chính, bao gồm các cách thức cơ bản phân tích báo cáo tài chính, phân tích tỷ số tài chính theo các nhóm,... Ngoài ra học phần còn trang bị kiến thức ứng dụng phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp   | 2 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 39 | Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư<br><i>Investment Project Design and Management</i> | Học phần gồm các nội dung sau: Một số vấn đề chung về đầu tư và dự án đầu tư; Giá trị theo thời gian của tiền; Phương pháp lập dự án đầu tư; Báo cáo ngân lưu của một dự án đầu tư; Các chỉ tiêu phân tích các phương án đầu tư; Phân tích kinh tế - xã hội và môi trường của dự án đầu tư. Ngoài ra, nội dung học phần còn cung cấp cho sinh viên quy trình lập dự án cũng như thẩm định một dự án đầu tư | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 40 | Chuẩn mực kế toán quốc tế<br><i>International Accounting Standards</i>                 | Nội dung học phần được thể hiện trong 11 chương với các nội dung cơ bản sau:<br>Nghiên cứu khái quát về kế toán quốc tế, Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế và lịch sử hình thành, phát triển, cơ cấu tổ chức và quy trình ban hành chuẩn mực.<br>Nghiên cứu một số chuẩn mực kế toán quốc tế cụ thể như IAS 2, 16, 38, 36, 17, 37, 18, 12 và IAS 7.   | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 41 |  | Nội dung chủ yếu của học phần nhằm giới thiệu tổng quan về thị trường tài chính và thị trường chứng khoán; Hàng hóa của thị trường chứng khoán; Nghiệp vụ phát hành chứng khoán; Thực hành giao dịch chứng khoán trên  | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |   |   |      |   |
|----|---|---|---|------|---|
|    | <b>Thị trường chứng khoán</b><br><i>Stock Market</i>                                      | Sở giao dịch chứng khoán. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu về thị trường phi tập trung, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ...  |   |      |   |
| 42 | <b>Kinh tế phát triển</b><br><i>Development Economics</i>                                 | Học phần Kinh tế phát triển có nhiệm vụ chủ yếu là trang bị các kiến thức cơ bản về kinh tế học phát triển trong điều kiện cụ thể của các nước đang phát triển, tổng kết và nghiên cứu những cách thức để tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững với mục đích chuyển nền kinh tế từ trình độ phát triển thấp lên trình độ phát triển cao hơn gắn với sự công bằng xã hội. Học phần đề cập nội dung phân tích ba khía cạnh cơ bản của phát triển kinh tế là tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; các nguồn lực cho tăng trưởng và phát triển; chiến lược và sách lược phát triển kinh tế của các nước đang phát triển. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 43 | Thực tập tổng hợp<br><i>General Internship</i>  | Nhằm nhằm rèn luyện cho sinh viên phương pháp phân tích, tổng hợp toàn bộ hoạt động của một đơn vị Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cơ quan quản lý kinh tế, lãnh thổ,...   | 4 | Kỳ 6 | Chăm báo cáo, vấn đáp                     |
| 44 | Thực tập tốt nghiệp<br><i>Graduation Internship</i>                                       | Mục tiêu nhằm tiếp cận thực tiễn công tác kế toán tại các doanh nghiệp, trên cơ sở đó rèn luyện cho sinh viên phương pháp nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực một phần hành kế toán cụ thể và rèn luyện kỹ năng phương pháp làm việc thực tiễn trong công tác kế toán.  | 6 | Kỳ 8 | Chăm báo cáo, vấn đáp                     |
| 45 | <b>Khóa luận TN</b><br><i>Graduation Thesis</i><br><b>hoặc các học phần thay thế KLTN</b> | Mục tiêu nhằm rèn luyện cho sinh viên phương pháp phân tích, tổng hợp toàn bộ hoạt động của một đơn vị doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cơ quan quản lý kinh tế,.... Trên cơ sở đó nghiên cứu chuyên sâu một phần hành kế toán cụ thể trong một đơn vị.   | 7 | Kỳ 8 | Bảo vệ KLTN                               |
| 46 | Chuyên đề kế toán<br><i>Themes in Accounting</i>  | Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong nghiên cứu và viết một chuyên đề kế toán về các lĩnh vực: Kế toán vốn bằng tiền, kế toán tài sản cố định, kế toán hàng tồn kho, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán bán hàng, xác định kết quả kinh doanh...  | 4 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |  |   |      |   |
|----|---|--|---|------|---|
| 47 | Hệ thống thông tin kế toán 2<br><i>Accounting Information Systems 2</i> | Giới thiệu lý thuyết và thực hành các phần mềm kế toán hiện hành nhằm trình bày các vấn đề về thiết lập thông tin về hệ thống, nhập số dư ban đầu theo tài khoản ngân hàng, vật tư hàng hóa, đối tượng tập hợp chi phí, ngoại tệ..., hướng dẫn quy trình hạch toán kế toán trên phần mềm, hướng dẫn chức năng và mã hóa thông tin và quản trị dữ liệu kế toán bao gồm sao lưu, phục hồi dữ liệu kế toán, xóa dữ liệu kế toán, đổi mật khẩu, sửa thông tin cá nhân quản lý người dùng, vai trò và quyền hạn, nhật ký truy cập | 3 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
|----|---|--|---|------|---|

## 2. ĐẠI HỌC KẾ TOÁN K61

| STT | Tên môn học                                    | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên            |
|-----|--|---|------------|----------------------|---|
| 1   | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về triết học Mác – Lênin, trọng tâm là triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử  | 5          | Kỳ 1, 2              | Kiểm tra thường xuyên<br>thi viết cuối kỳ |
| 2   | Tư tưởng Hồ Chí Minh                           | Học phần trang bị cho sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh   | 2          | Kỳ 3                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 3   | Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam           | Được ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ+BGĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.   | 3          | Kỳ 4                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 4   | Pháp luật đại cương                            | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng, về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật cũng như vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. Ngoài ra học phần còn bao gồm những kiến thức cơ bản về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vấn đề pháp chế xã hội chủ nghĩa. | 2          | Kỳ 1                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |  |   |   |      |  |
|----|--|---|---|------|--|
| 5  | Toán cao cấp C                                 | Cung cấp các kiến thức về giới hạn, phép tính vi phân, tích phân hàm một biến; phương trình vi phân; ma trận, định thức.  | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 6  | Tin học đại cương                              | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ bản tin học, công nghệ thông tin, máy tính điện tử, hệ điều hành và ngôn ngữ lập trình căn bản bao gồm các khái niệm cơ bản, hằng, biến, mảng, biểu thức, các toán tử điều khiển...để viết được một chương trình hoàn chỉnh.  | 2 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi thực hành cuối kỳ |
| 7  | Phương pháp NCKH-Sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp | Giới thiệu những vấn đề cơ bản như: khái niệm về nghiên cứu khoa học và đề tài NCKH, đặc điểm của NCKH, cấu trúc một công trình khoa học, các giai đoạn, các bước tiến hành và phương pháp NCKH của một đề tài khoa học. Kỹ năng truyền đạt thông tin và trình bày seminar. Sinh viên vận dụng để làm bài tập nghiên cứu, đề tài khoa học, tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 8  | Xác suất thống kê                              | Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xác suất – Thống kê để phục vụ trong học tập và nghiên cứu chuyên môn và ứng dụng giải quyết các bài toán thực tế về chuyên môn.   | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 9  | <i>Kinh tế học đại cương</i>                   | Nhận thức các lý thuyết cung cầu hàng hoá và giá cả thị trường, nguyên lý về hành vi tiêu dùng, hành vi sản xuất; tiếp cận các phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế cơ bản liên quan đến sản lượng và thu nhập ở phạm vi doanh nghiệp và phạm vi quốc gia; mô tả mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế; nguyên lý xây dựng phương trình, đồ thị cung - cầu, tổng cung - tổng cầu. Phân tích quan hệ cung cầu hàng hoá và xác định giá cân bằng; phân tích hành vi người tiêu dùng và hành vi nhà sản xuất trong cơ chế thị trường; giải thích sự biến động của nền kinh tế cũng như tác động của các chính sách đối với nền kinh tế; phân tích các thông tin kinh tế thị trường | 2 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ      |
| 10 | <i>Kinh tế vi mô</i>                           | Học phần nghiên cứu những kiến thức kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường. Là  | 3 | Kỳ 1 |  |



|    |                     |   |   |      |   |
|----|---------------------|---|---|------|---|
|    |                     | môn khoa học về lựa chọn, Kinh tế vi mô nghiên cứu các vấn đề cơ bản của lựa chọn; Tính quy luật và xu hướng vận động của kinh tế vi mô; Những khuyết tật của kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ thông qua các nội dung như: Cung và cầu về hàng hóa; Cung và cầu về lao động; Sản xuất, chi phí và lợi nhuận; Cạnh tranh và độc quyền; Hạn chế của thị trường và vai trò của chính phủ...   |   |      |   |
| 11 | Kinh tế vĩ mô       | Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Phân tích và giải thích các chỉ tiêu của nền kinh tế như: tổng sản phẩm quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát ..., cách xác định sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm tỉ giá hối đoái, cán cân thanh toán và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính Phủ trong việc điều hành nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế cụ thể trong từng thời kì. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 12 | Tài chính – Tiền tệ | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại cương tiền tệ và tài chính; ngân sách nhà nước; tài chính doanh nghiệp; thị trường tài chính; các tổ chức tài chính trung gian; ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia.  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 13 | Luật kế toán        | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản về: Hệ thống pháp luật về kế toán doanh nghiệp Việt Nam, những nội dung cơ bản của luật kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành, các nguyên tắc và nội dung cơ bản của chuẩn mực kế toán Việt Nam, các nguyên tắc xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và nội dung cơ bản của 26 chuẩn mực Kế toán Việt Nam.  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |  |   |      |   |
|----|---|--|---|------|---|
| 14 | Nguyên lý thống kê                                | Học phần trang bị các kiến thức về thống kê học, các đặc trưng thống kê; các phương pháp thống kê như phương pháp chỉ số, dãy số thời gian.  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 15 | Marketing căn bản                                 | Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quan niệm, định nghĩa, hệ thống thông tin, lập kế hoạch, chiến lược, tổ chức Marketing, quá trình phân đoạn thị trường, các hành vi khách hàng, hành vi mua của người tiêu dùng và doanh nghiệp; các khái niệm, vai trò và thuộc tính của sản phẩm, hệ thống định vị, phân phối sản phẩm  | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 16 | Quản trị học                                      | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học giúp sinh viên tiếp cận với lịch sử phát triển của các tư tưởng quản trị; nắm bắt được những vấn đề cơ bản trong một tổ chức như: Tổ chức, môi trường hoạt động của tổ chức, nhà quản trị, các quyết định của nhà quản trị và các chức năng quản trị.   | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 17 | Tài chính doanh nghiệp                            | Học phần Tài chính doanh nghiệp trình bày những nội dung cơ bản sau: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp, khái niệm giá trị theo thời gian của tiền và các dạng toán ứng dụng; Vốn kinh doanh của doanh nghiệp và lượng giá cổ phiếu và trái phiếu; Chi phí sử dụng vốn: trình bày cách tính chi phí để sử dụng các loại vốn trong doanh nghiệp; Phân tích các báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.       | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 18 | Nguyên lý kế toán<br><i>Accounting Principles</i> | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán như: Khái niệm, đối tượng và lịch sử hình thành và phát triển của kế toán; đặc điểm của kế toán; các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; các phương pháp kế toán như chứng từ, tính giá, tài khoản và ghi kép, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán, phương pháp kế toán một số quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. | 3 | Kỳ 2 |   |

|    |   |  |   |      |   |
|----|---|--|---|------|---|
| 19 | Kinh tế lượng<br><i>Econometrics</i>                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng thiết kế các bước phân tích, ước lượng một vấn đề kinh tế thông qua mối quan hệ các biến số liên quan cả khía cạnh định tính và định lượng.</li> <li>- Phân tích mô hình hồi quy thông qua các biến số kinh tế gồm nhiều dạng khác nhau: mô hình tuyến tính, mô hình phi tuyến...</li> <li>- Nhận dạng các khuyết tật của mô hình hồi quy gồm các hiện tượng đa cộng tuyến, tự tương quan, phương sai sai số thay đổi...</li> <li>- Khả năng vận dụng các công cụ toán kinh tế để phân tích, thống kê các vấn đề trong kinh tế.</li> </ul> | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi thực hành    |
| 20 | Tiếng Anh chuyên ngành 1<br><i>English for Accounting 1</i> | <p>Sinh viên hiểu được một lượng từ vựng, thuật ngữ liên quan đến chuyên ngành kế toán, thông qua các bài học có các chủ điểm như: Kế toán, Kiểm toán, Kế toán thuế, Kế toán quản trị, Báo cáo tài chính...</p> <p>Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu kết hợp với các kỹ năng nghe, nói, viết Tiếng Anh thông qua việc thực hiện các bài tập cụ thể. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hành thảo luận, chia sẻ thông tin, tiếp cận các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là chuyên ngành tài chính, kế toán</p>  | 2 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 21 | Tiếng Anh chuyên ngành 2<br><i>English for Accounting 2</i> | <p>Sinh viên hiểu một lượng từ vựng, thuật ngữ liên quan đến chuyên ngành kế toán, thông qua các bài học có các chủ điểm như: Kế toán, Các giả định và nguyên lý kế toán, Khấu hao, Bảng cân đối kế toán, Kế toán chi phí, Tỷ giá hối đoái, Chỉ số tài chính.</p> <p>Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu kết hợp với các kỹ năng nghe, nói, viết Tiếng Anh thông qua việc thực hiện các bài tập cụ thể. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hành thảo luận, chia sẻ thông tin, tiếp cận các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là chuyên ngành tài chính, kế toán.</p>                           | 2 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |   |   |      |   |
|----|---|---|---|------|---|
| 22 | <b>Thuế</b><br><i>Taxation System</i>                           | Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về thuế, tầm quan trọng, tác động của việc đánh thuế đến nền kinh tế, nguyên tắc xác lập các loại thuế khác nhau. Trên cơ sở lý luận chung, môn học đi sâu nghiên cứu nội dung cơ bản của một số sắc thuế chủ yếu hiện hành ở Việt nam như: Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt,, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân.  | 2 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi thực hành    |
| 23 | Kế toán tài chính 1<br><i>Financial Accounting I</i>            | Học phần kế toán tài chính 1 trình bày các vấn đề liên quan đến những vấn đề chung của kế toán tài chính bao gồm nhiệm vụ, yêu cầu của kế toán, các nguyên tắc kế toán, các chuẩn mực và luật kế toán có liên quan. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức từ tổng quan đến chi tiết các phân hành kế toán liên quan như kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. | 4 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 24 | Kế toán quản trị<br><i>Management Accounting</i>                | Học phần trang bị kiến thức tổng quan về kế toán quản trị, bao gồm: Lịch sử hình thành, phát triển của kế toán quản trị; Phân loại chi phí trong doanh nghiệp; Phân tích mối quan hệ chi phí – sản lượng – lợi nhuận; Lập dự toán sản xuất kinh doanh; Lựa chọn thông tin trong việc ra quyết định ngắn hạn; Lựa chọn thông tin trong việc ra quyết định dài hạn.   | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 25 | <b>Tin học ứng dụng kế toán</b><br><i>Informtics Accounting</i> | Nội dung học phần được thể hiện trong 07 chương với các nội dung cơ bản nghiên cứu khái quát về hệ thống thông tin kế toán, nghiên cứu công tác tổ chức dữ liệu kế toán trong điều kiện ứng dụng Excel, nghiên cứu phương pháp lập các bảng biểu, sổ, báo cáo kế toán tài chính bằng phần mềm bảng tính Excel trong điều kiện áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.  | 3 | Kỳ 5 | Thực hành                                 |
| 26 | Kiểm toán<br><i>Auditing</i>                                    | Nội dung học phần được thể hiện với các nội dung cơ bản sau: Nghiên cứu đại cương và các vấn đề cơ bản về kiểm toán; Nghiên cứu các nội dung  | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |  |   |      |   |
|----|---|--|---|------|---|
|    |   | quan trọng trong công tác kiểm toán; Nghiên cứu các phương pháp và kỹ thuật kiểm toán và quy trình kiểm toán.  |   |      |   |
| 27 | Phân tích hoạt động kinh doanh<br><i>Business Performance Analysis</i>    | Học phần thực hiện các nội dung cơ bản về lý luận chung phân tích kinh doanh và các phương pháp sử dụng, phân tích tình hình sản xuất, các yếu tố sản xuất, giá thành sản phẩm, các yếu tố sản xuất, tình hình tài chính.  | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 28 | Kế toán tài chính 2<br><i>Financial Accounting 2</i>                      | Kế toán tài chính 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Lưu chuyển hàng hóa nội thương (khái niệm, phương thức lưu chuyển hàng hóa, kế toán quá trình mua hàng, kế toán quá trình bán hàng); Lưu chuyển hàng hóa ngoại thương (khái niệm, phương thức xuất nhập khẩu, kế toán mua hàng để xuất khẩu và xuất khẩu hàng, kế toán nhập khẩu hàng và bán hàng nhập khẩu); Kế toán trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ; Kế toán trong doanh nghiệp xây lắp. | 4 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 29 | Kế toán tài chính 3<br><i>Financial Accounting 3</i>                      | Học phần trang bị kiến thức tổng hợp về kế toán tài chính doanh nghiệp, bao gồm: Chứng từ kế toán; Hình thức kế toán và sổ kế toán; Lập và trình bày báo cáo tài chính; Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này chú trọng các kỹ năng thực hành kế toán nhằm hỗ trợ sinh viên xử lý nghiệp vụ thuần thực   | 4 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 30 | Kế toán hành chính sự nghiệp<br><i>Business Administrative Accounting</i> | Kế toán hành chính sự nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức về các vấn đề về kế toán tài chính trong các đơn vị hành chính sự nghiệp bao gồm: Nhiệm vụ và tổ chức công tác kế toán trong đơn vị sự nghiệp; Kế toán nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa; Kế toán tài sản cố định; Kế toán các khoản thanh toán; Kế toán các nguồn kinh phí và các khoản thu chi trong đơn vị công; Báo cáo tài chính trong đơn vị sự nghiệp.                            | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 31 | Kế toán ngân hàng<br><i>Accounting for Banking</i>                        | Học phần nhằm trang bị kiến thức tổng quan về kế toán ngân hàng; Hoạt động ngân quỹ; Hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán; Hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng; Hoạt động thanh toán qua ngân hàng.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |  |   |      |   |
|----|---|--|---|------|---|
| 32 | Tổ chức công tác kế toán<br><i>Accounting organizations</i>                           | Tổ chức công tác kế toán cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản bao gồm: Tổ chức bộ máy và người làm kế toán; Tổ chức thực hiện chế độ chứng từ kế toán; Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản và xây dựng quy trình hạch toán; Tổ chức thực hiện chế độ sổ kế toán; Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo kế toán; Tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra kế toán; Tổ chức thực hiện chế độ kiểm kê tài sản; Tổ chức thực hiện chế độ lưu trữ tài liệu kế toán;  | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 33 | Phần mềm kế toán<br><i>Accounting Software</i>  | Nội dung của học phần chủ yếu đề cập đến những vấn đề cơ bản về phần mềm kế toán, trình bày các vấn đề về thiết lập thông tin về hệ thống, nhập số dư ban đầu theo tài khoản ngân hàng, vật tư hàng hóa, đối tượng tập hợp chi phí, ngoại tệ..., hướng dẫn quy trình hạch toán kế toán trên phần mềm, hướng dẫn tổ chức và mã hóa thông tin và quản trị dữ liệu kế toán bao gồm sao lưu, phục hồi dữ liệu kế toán, xóa dữ liệu kế toán, đổi mật khẩu, sửa thông tin cá nhân, quản lý người dùng, vai trò và quyền hạn, nhật ký truy cập. | 3 | Kỳ 6 | Thực hành                                 |
| 34 | Hệ thống thông tin kế toán 1<br><i>Accounting Information Systems I</i>               | Nội dung học phần bao gồm: Nghiên cứu đại cương và các vấn đề cơ bản về hệ thống thông tin kế toán. Nghiên cứu phương thức tổ chức dữ liệu và mã hóa đối tượng kế toán. Nghiên cứu phương pháp tổ chức và kiểm soát các chu trình doanh thu, cung ứng, chuyển đổi, tài chính.  | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 35 | Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ<br><i>Accounting for medium and small enterprises</i> | Học phần trang bị kiến thức tổng quan về kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bao gồm: Hệ thống tài khoản kế toán, Hệ thống báo cáo tài chính, chế độ chứng từ kế toán, chế độ sổ kế toán.   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 36 | Kế toán thuế<br><i>Tax Accounting</i>   | Học phần kế toán thuế trình bày các vấn đề tổng quan chung và cách hạch toán các loại thuế bao gồm thuế Giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân.  | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 37 | Kế toán chi phí<br><i>Cost Accounting</i>   | Nội dung của học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán chi phí, về phân loại chi   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |  |  |   |      |   |
|----|--|--|---|------|---|
|    |  | phí, qui trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo các mô hình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo chi phí thực tế; chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính; chi phí định mức  |   |      |   |
| 38 | Phân tích báo cáo tài chính<br><i>Financial statement analysis</i>                     | Tổng quan về báo cáo tài chính; Các nội dung phân tích tài chính, bao gồm các cách thức cơ bản phân tích báo cáo tài chính, phân tích tỷ số tài chính theo các nhóm,... Ngoài ra học phần còn trang bị kiến thức ứng dụng phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp   | 2 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 39 | Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư<br><i>Investment Project Design and Management</i> | Học phần gồm các nội dung sau: Một số vấn đề chung về đầu tư và dự án đầu tư; Giá trị theo thời gian của tiền; Phương pháp lập dự án đầu tư; Báo cáo ngân lưu của một dự án đầu tư; Các chỉ tiêu phân tích các phương án đầu tư; Phân tích kinh tế - xã hội và môi trường của dự án đầu tư. Ngoài ra, nội dung học phần còn cung cấp cho sinh viên quy trình lập dự án cũng như thẩm định một dự án đầu tư | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 40 | Chuẩn mực kế toán quốc tế<br><i>International Accounting Standards</i>                 | Nội dung học phần được thể hiện trong 11 chương với các nội dung cơ bản sau:<br>Nghiên cứu khái quát về kế toán quốc tế, Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế và lịch sử hình thành, phát triển, cơ cấu tổ chức và quy trình ban hành chuẩn mực.<br>Nghiên cứu một số chuẩn mực kế toán quốc tế cụ thể như IAS 2, 16, 38, 36, 17, 37, 18, 12 và IAS 7.   | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 41 |  | Nội dung chủ yếu của học phần nhằm giới thiệu tổng quan về thị trường tài chính và thị trường chứng khoán; Hàng hóa của thị trường chứng khoán; Nghiệp vụ phát hành chứng khoán; Thực hành giao dịch chứng khoán trên  | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |   |   |      |   |
|----|---|---|---|------|---|
|    | <b>Thị trường chứng khoán</b><br><i>Stock Market</i>                                      | Sở giao dịch chứng khoán. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu về thị trường phi tập trung, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ...  |   |      |   |
| 42 | <b>Kinh tế phát triển</b><br><i>Development Economics</i>                                 | Học phần Kinh tế phát triển có nhiệm vụ chủ yếu là trang bị các kiến thức cơ bản về kinh tế học phát triển trong điều kiện cụ thể của các nước đang phát triển, tổng kết và nghiên cứu những cách thức để tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững với mục đích chuyển nền kinh tế từ trình độ phát triển thấp lên trình độ phát triển cao hơn gắn với sự công bằng xã hội. Học phần đề cập nội dung phân tích ba khía cạnh cơ bản của phát triển kinh tế là tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; các nguồn lực cho tăng trưởng và phát triển; chiến lược và sách lược phát triển kinh tế của các nước đang phát triển. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 43 | Thực tập tổng hợp<br><i>General Internship</i>  | Nhằm nhằm rèn luyện cho sinh viên phương pháp phân tích, tổng hợp toàn bộ hoạt động của một đơn vị Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cơ quan quản lý kinh tế, lãnh thổ,...   | 4 | Kỳ 6 | Chăm báo cáo, vấn đáp                     |
| 44 | Thực tập tốt nghiệp<br><i>Graduation Internship</i>                                       | Mục tiêu nhằm tiếp cận thực tiễn công tác kế toán tại các doanh nghiệp, trên cơ sở đó rèn luyện cho sinh viên phương pháp nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực một phần hành kế toán cụ thể và rèn luyện kỹ năng phương pháp làm việc thực tiễn trong công tác kế toán.  | 6 | Kỳ 8 | Chăm báo cáo, vấn đáp                     |
| 45 | <b>Khóa luận TN</b><br><i>Graduation Thesis</i><br><b>hoặc các học phần thay thế KLTN</b> | Mục tiêu nhằm rèn luyện cho sinh viên phương pháp phân tích, tổng hợp toàn bộ hoạt động của một đơn vị doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cơ quan quản lý kinh tế,.... Trên cơ sở đó nghiên cứu chuyên sâu một phần hành kế toán cụ thể trong một đơn vị.   | 7 | Kỳ 8 | Bảo vệ KLTN                               |
| 46 | Chuyên đề kế toán<br><i>Themes in Accounting</i>  | Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong nghiên cứu và viết một chuyên đề kế toán về các lĩnh vực: Kế toán vốn bằng tiền, kế toán tài sản cố định, kế toán hàng tồn kho, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán bán hàng, xác định kết quả kinh doanh...  | 4 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |



|    |   |  |   |      |   |
|----|---|--|---|------|---|
| 47 | Hệ thống thông tin kế toán 2<br><i>Accounting Information Systems 2</i> | Giới thiệu lý thuyết và thực hành các phần mềm kế toán hiện hành nhằm trình bày các vấn đề về thiết lập thông tin về hệ thống, nhập số dư ban đầu theo tài khoản ngân hàng, vật tư hàng hóa, đối tượng tập hợp chi phí, ngoại tệ..., hướng dẫn quy trình hạch toán kế toán trên phần mềm, hướng dẫn chức năng và mã hóa thông tin và quản trị dữ liệu kế toán bao gồm sao lưu, phục hồi dữ liệu kế toán, xóa dữ liệu kế toán, đổi mật khẩu, sửa thông tin cá nhân quản lý người dùng, vai trò và quyền hạn, nhật ký truy cập | 3 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
|----|---|--|---|------|---|

### 3. ĐẠI HỌC KẾ TOÁN K63 ( dự kiến triển khai)

| STT | Tên môn học  | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên            |
|-----|--|---|------------|----------------------|---|
| 1   | Triết học Mác-Lênin<br>( <i>Marxist-Leninist philosophy</i> )                  | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về triết học Mác – Lênin, trọng tâm là triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó giúp sinh viên hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cách mạng, xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng, rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng nhằm đáp ứng nhu cầu của con người Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. | 3          | Kỳ 1                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 2   | Kinh tế chính trị Mác – Lênin<br>( <i>Political economy Marxism Leninism</i> ) | Học phần trang bị hệ thống tri thức lý luận cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, sáng tạo, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp nội dung phù hợp với đối tượng sinh viên không chuyên lý luận chính trị bậc đại học. Góp phần hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển        | 2          | Kỳ 2                 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|   |  |  |   |      |   |
|---|--|--|---|------|---|
|   |  | kinh tế - xã hội của đất nước và xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin.  |   |      |   |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học<br>( <i>Science socialism</i> )                          | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về CNXH KH, từ đó nhằm hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về chính trị - xã hội liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội.   | 2 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh<br><i>Ho Chi Minh Ideology</i>                                | Học phần trang bị cho sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh; Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.  | 2 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 5 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam<br><i>History of the Communist Party of Vietnam</i> | Được ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ+BGĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.<br>Cung cấp những tri thức có tính chất hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). | 2 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 6 | Pháp luật đại cương<br><i>General Law</i>  | Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; quy phạm pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay; cơ chế điều chỉnh của pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam.  | 2 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 7 | Toán cao cấp C<br><i>Advanced Mathematics C</i>                                    | Cung cấp các kiến thức về giới hạn, phép tính vi phân, tích phân hàm một biến; phương trình vi phân; ma trận, định thức.   | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |  |  |   |      |   |
|----|--|--|---|------|---|
| 8  | Tin học<br><i>Informatics</i>                                    | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ bản tin học, công nghệ thông tin, máy tính điện tử, hệ điều hành và ngôn ngữ lập trình căn bản bao gồm các khái niệm cơ bản, hằng, biến, mảng, biểu thức, các toán tử điều khiển...để viết được một chương trình hoàn chỉnh.   | 2 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 9  | Xác suất thống kê<br><i>Theory of Probability and Statistics</i> | Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xác suất – Thống kê để phục vụ trong học tập và nghiên cứu chuyên môn và ứng dụng giải quyết các bài toán thực tế về chuyên môn.  | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 10 | Tiếng Anh 1<br><i>English 1</i>                                  | Kết thúc học phần Tiếng Anh 1, sinh viên có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về ngôn ngữ như từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm tiếng Anh vào giao tiếp ở trình độ tiên B1 (theo Khung tham chiếu Châu Âu) với các chủ đề thường gặp trong đời sống hằng ngày của sinh viên như: giới thiệu thông tin về cá nhân, học tập, các loại sách, nghiên cứu, thói quen hằng ngày, nghề nghiệp và các kỳ nghỉ đặc biệt.   | 2 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 11 | Tiếng Anh 2<br><i>English 2</i>                                  | Kết thúc học phần Tiếng Anh 2, sinh viên có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về tiếng Anh vào giao tiếp ở trình độ tiên B1 với các chủ đề, chủ điểm như: gia đình và những người thân yêu, đi du lịch, thành thị và nông thôn, mua sắm.  | 2 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 12 | Tiếng Anh 3<br><i>English 3</i>                                  | Kết thúc học phần Tiếng Anh, có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về tiếng Anh vào giao tiếp ở trình độ B1 với các chủ đề sau: ăn uống, nơi ở và chỗ sinh hoạt riêng tư, phong cách sống, các hoạt động giải trí và phương tiện giao tiếp, thú cưng và thế giới tự nhiên. Sinh viên có khả tự học, tự thực hành để đạt được năng lực giao tiếp tiếng Anh ở trình độ B1.   | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 13 | Kinh tế học đại cương<br><i>Principles of Economics</i>          | Nhận thức các lý thuyết cung cầu hàng hoá và giá cả thị trường, nguyên lý về hành vi tiêu dùng, hành vi sản xuất; tiếp cận các phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế cơ bản liên quan đến sản lượng và thu nhập ở phạm vi doanh nghiệp và phạm vi quốc gia; mô tả mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế; nguyên lý xây dựng phương trình, đồ thị cung - cầu, tổng cung - tổng cầu.<br>Phân tích quan hệ cung cầu hàng hoá và xác định giá cân bằng; phân tích hành vi người tiêu dùng và hành vi nhà sản xuất trong cơ chế thị trường; giải | 2 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |  |   |   |      |   |
|----|--|---|---|------|---|
|    |  | thích sự biến động của nền kinh tế cũng như tác động của các chính sách đối với nền kinh tế; phân tích các thông tin kinh tế thị trường   |   |      |   |
| 14 | Thuế<br><i>Taxation System</i>                 | Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về thuế, tầm quan trọng, tác động của việc đánh thuế đến nền kinh tế, nguyên tắc xác lập các loại thuế khác nhau. Trên cơ sở lý luận chung, môn học đi sâu nghiên cứu nội dung cơ bản của một số sắc thuế chủ yếu hiện hành ở Việt nam như: Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt,, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân.  | 2 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 15 | Kinh tế vi mô<br><i>Microeconomics</i>         | Học phần nghiên cứu những kiến thức kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường. Là môn khoa học về lựa chọn, Kinh tế vi mô nghiên cứu các vấn đề cơ bản của lựa chọn; Tính quy luật và xu hướng vận động của kinh tế vi mô; Những khuyết tật của kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ thông qua các nội dung như: Cung và cầu về hàng hóa; Cung và cầu về lao động; Sản xuất, chi phí và lợi nhuận; Cạnh tranh và độc quyền; Hạn chế của thị trường và vai trò của chính phủ...  | 3 | Kỳ 1 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 16 | Kinh tế vĩ mô<br><i>Macroeconomics</i>         | Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Phân tích và giải thích các chỉ tiêu của nền kinh tế như: tổng sản phẩm quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát ..., cách xác định sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm tỉ giá hối đoái, cán cân thanh toán và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính Phủ trong việc điều hành nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế cụ thể trong từng thời kì. | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 17 | Tài chính - Tiền tệ<br><i>Monetary Finance</i> | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại cương tiền tệ và tài chính; ngân sách nhà nước; tài chính doanh nghiệp; thị trường  | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên                     |

|    |  |  |   |      |   |
|----|--|--|---|------|---|
|    |  | tài chính; các tổ chức tài chính trung gian; ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia.  |   |      | Thi viết cuối kỳ                          |
| 18 | Luật kế toán<br><i>Accounting Laws</i>               | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản về: Hệ thống pháp luật về kế toán doanh nghiệp Việt Nam, những nội dung cơ bản của luật kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành, các nguyên tắc và nội dung cơ bản của chuẩn mực kế toán Việt Nam, các nguyên tắc xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và nội dung cơ bản của 26 chuẩn mực Kế toán Việt Nam. | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 19 | Quản trị học<br><i>Adminstration</i>                 | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học giúp sinh viên tiếp cận với lịch sử phát triển của các tư tưởng quản trị; nắm bắt được những vấn đề cơ bản trong một tổ chức như: Tổ chức, môi trường hoạt động của tổ chức, nhà quản trị, các quyết định của nhà quản trị và các chức năng quản trị.   | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 20 | Tài chính doanh nghiệp<br><i>Corporate Finance</i>   | Học phần Tài chính doanh nghiệp trình bày những nội dung cơ bản sau: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp, khái niệm giá trị theo thời gian của tiền và các dạng toán ứng dụng; Vốn kinh doanh của doanh nghiệp và lượng giá cổ phiếu và trái phiếu; Chi phí sử dụng vốn: trình bày cách tính chi phí để sử dụng các loại vốn trong doanh nghiệp; Phân tích các báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.             | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 21 | Nguyên lý kế toán<br><i>Principles of Accounting</i> | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán như: Khái niệm, đối tượng và lịch sử hình thành và phát triển của kế toán; đặc điểm của kế toán; các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; các phương pháp kế toán như chứng từ, tính giá, tài khoản và ghi kép, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán, phương pháp kế toán một số quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.       | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |   |   |      |   |
|----|---|---|---|------|---|
| 22 | Kinh tế lượng<br><i>Econometrics</i>                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng thiết kế các bước phân tích, ước lượng một vấn đề kinh tế thông qua mối quan hệ các biến số liên quan cả khía cạnh định tính và định lượng.</li> <li>- Phân tích mô hình hồi quy thông qua các biến số kinh tế gồm nhiều dạng khác nhau: mô hình tuyến tính, mô hình phi tuyến...</li> <li>- Nhận dạng các khuyết tật của mô hình hồi quy gồm các hiện tượng đa cộng tuyến, tự tương quan, phương sai sai số thay đổi...</li> <li>- Khả năng vận dụng các công cụ toán kinh tế để phân tích, thống kê các vấn đề trong kinh tế.</li> </ul>                                    | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 23 | Thị trường chứng khoán<br><i>Stock Market</i>       | Nội dung chủ yếu của học phần nhằm giới thiệu tổng quan về thị trường tài chính và thị trường chứng khoán; Hàng hóa của thị trường chứng khoán; Nghiệp vụ phát hành chứng khoán; Thực hành giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu về thị trường phi tập trung, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ...  | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 24 | Kinh tế phát triển<br><i>Development Economics</i>  | Học phần Kinh tế phát triển có nhiệm vụ chủ yếu là trang bị các kiến thức cơ bản về kinh tế học phát triển trong điều kiện cụ thể của các nước đang phát triển, tổng kết và nghiên cứu những cách thức để tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững với mục đích chuyển nền kinh tế từ trình độ phát triển thấp lên trình độ phát triển cao hơn gắn với sự công bằng xã hội. Học phần đề cập nội dung phân tích ba khía cạnh cơ bản của phát triển kinh tế là tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; các nguồn lực cho tăng trưởng và phát triển; chiến lược và sách lược phát triển kinh tế của các nước đang phát triển. | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 25 | Marketing căn bản<br><i>Principles of Marketing</i> | Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quan niệm, định nghĩa, hệ thống thông tin, lập kế hoạch, chiến lược, tổ chức Marketing, quá trình phân đoạn thị trường, các hành vi khách hàng, hành vi mua của người tiêu dùng và doanh nghiệp; các khái niệm, vai trò và thuộc tính của sản phẩm, hệ thống định vị, phân phối sản phẩm   | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |  |   |   |      |   |
|----|--|---|---|------|---|
| 26 | Kinh tế quốc tế<br><i>International Economics</i>                  | Học phần cung cấp các kiến thức về kinh tế cơ sở về nền kinh tế thế giới và các bộ phận cấu thành nền kinh tế thế giới; các học thuyết về mậu dịch quốc tế như học thuyết lợi thế tuyệt đối Adam Smith, học thuyết chi phí cơ hội Haberler, học thuyết lợi thế tương đối David Ricardo...; sự di chuyển quốc tế các yếu tố sản xuất; cán cân thanh toán và thị trường tiền tệ quốc tế; liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế giúp sinh viên có cách nhìn tổng quan về thương mại quốc tế và vai trò của nó đối với các quốc gia trên thế giới.       | 3 | Kỳ 2 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 27 | Nguyên lý thống kê<br><i>Principles of Economic Statistics</i>     | Học phần trang bị các kiến thức về thống kê học, các đặc trưng thống kê; các phương pháp thống kê như phương pháp chỉ số, dãy số thời gian.   | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 28 | Quản lý nhà nước về kinh tế<br><i>State Management of Economic</i> | Học phần cung cấp các kiến thức về nền kinh tế thị trường có nhiều ưu việt nhưng cũng có nhiều khuyết tật. Phát huy những ưu điểm, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường là chức năng của nhà nước. Để quản lý nền kinh tế có hiệu quả, cần phải làm rõ phạm vi và mức độ can thiệp của nhà nước. Đồng thời, nhà nước phải sử dụng các công cụ: hành chính, pháp luật, kinh tế. Mức độ hoàn thiện những công cụ này, khả năng phối hợp trong việc sử dụng các công cụ này quyết định hiệu quả quản lý nền kinh tế của nhà nước.            | 3 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 29 | Kế toán tài chính 1<br><i>Financial Accounting 1</i>               | Học phần kế toán tài chính 1 trình bày các vấn đề liên quan đến những vấn đề chung của kế toán tài chính bao gồm nhiệm vụ, yêu cầu của kế toán, các nguyên tắc kế toán, các chuẩn mực và luật kế toán có liên quan. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức từ tổng quan đến chi tiết các phần hành kế toán liên quan như kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. | 4 | Kỳ 3 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |  |   |      |   |
|----|---|--|---|------|---|
| 30 | Kế toán quản trị<br><i>Management Accounting</i>  | Học phần trang bị kiến thức tổng quan về kế toán quản trị, bao gồm: Lịch sử hình thành, phát triển của kế toán quản trị; Phân loại chi phí trong doanh nghiệp; Phân tích mối quan hệ chi phí – sản lượng – lợi nhuận; Lập dự toán sản xuất kinh doanh; Lựa chọn thông tin trong việc ra quyết định ngắn hạn; Lựa chọn thông tin trong việc ra quyết định dài hạn.  | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 31 | Tin học ứng dụng trong kế toán<br><i>Informtics Accounting</i>                                    | Nội dung học phần được thể hiện trong 07 chương với các nội dung cơ bản nghiên cứu khái quát về hệ thống thông tin kế toán, nghiên cứu công tác tổ chức dữ liệu kế toán trong điều kiện ứng dụng Excel, nghiên cứu phương pháp lập các bảng biểu, sổ, báo cáo kế toán tài chính bằng phần mềm bảng tính Excel trong điều kiện áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.   | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 32 | Kiểm toán<br><i>Auditing</i>  | Nội dung học phần được thể hiện với các nội dung cơ bản sau: Nghiên cứu đại cương và các vấn đề cơ bản về kiểm toán; Nghiên cứu các nội dung quan trọng trong công tác kiểm toán; Nghiên cứu các phương pháp và kỹ thuật kiểm toán và quy trình kiểm toán.   | 3 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 33 | Phân tích hoạt động kinh doanh<br><i>Business Performance Analysis</i>                            | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Trên cơ sở đó sinh viên rèn luyện kỹ năng tính toán và giải quyết các vấn đề trong quá trình phân tích kinh doanh đồng thời vận dụng các phương pháp phân tích để phân tích những nội dung cụ thể trong doanh nghiệp.  | 3 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 34 | Nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp<br><i>Research methods for Accounting and entrepreneurship</i> | Học phần cung cấp các kiến thức về các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên sâu cho lĩnh vực kinh doanh. Cung cấp thông tin về quy trình nghiên cứu khoa học và phương pháp phân tích dữ liệu. Học phần giới thiệu về các loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp và một số bài học sáng tạo từ một số doanh nghiệp thành công trên thế giới. Cung cấp các nội dung về khởi nghiệp tinh gọn và các bước khởi nghiệp nhằm giúp sinh viên có khả năng tự khởi nghiệp sau khi ra trường. | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |



|    |   |  |   |      |   |
|----|---|--|---|------|---|
| 35 | Kế toán tài chính 2<br><i>Financial Accounting 2</i>                      | Kế toán tài chính 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Lưu chuyển hàng hóa nội thương (khái niệm, phương thức lưu chuyển hàng hóa, kế toán quá trình mua hàng, kế toán quá trình bán hàng); Lưu chuyển hàng hóa ngoại thương (khái niệm, phương thức xuất nhập khẩu, kế toán mua hàng để xuất khẩu và xuất khẩu hàng, kế toán nhập khẩu hàng và bán hàng nhập khẩu); Kế toán trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ; Kế toán trong doanh nghiệp xây lắp. | 4 | Kỳ 4 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 36 | Kế toán tài chính 3<br><i>Financial Accounting 3</i>                      | Học phần trang bị kiến thức tổng hợp về kế toán tài chính doanh nghiệp, bao gồm: Chứng từ kế toán; Hình thức kế toán và sổ kế toán; Lập và trình bày báo cáo tài chính; Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này chú trọng các kỹ năng thực hành kế toán nhằm hỗ trợ sinh viên xử lý nghiệp vụ thuần thực   | 4 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 37 | Kế toán hành chính sự nghiệp<br><i>Business Administrative Accounting</i> | Kế toán hành chính sự nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức về các vấn đề về kế toán tài chính trong các đơn vị hành chính sự nghiệp bao gồm: Nhiệm vụ và tổ chức công tác kế toán trong đơn vị sự nghiệp; Kế toán nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa; Kế toán tài sản cố định; Kế toán các khoản thanh toán; Kế toán các nguồn kinh phí và các khoản thu chi trong đơn vị công; Báo cáo tài chính trong đơn vị sự nghiệp.                            | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 38 | Kế toán ngân hàng<br><i>Accounting for Banking</i>                        | Học phần nhằm trang bị kiến thức tổng quan về kế toán ngân hàng; Hoạt động ngân quỹ; Hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán; Hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng; Hoạt động thanh toán qua ngân hàng.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 39 | Tổ chức công tác kế toán<br><i>Accounting organizations</i>               | Tổ chức công tác kế toán cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản bao gồm: Tổ chức bộ máy và người làm kế toán; Tổ chức thực hiện chế độ chứng từ kế toán; Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản và xây dựng quy trình hạch toán; Tổ chức thực hiện chế độ sổ kế toán; Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo kế toán; Tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra kế toán; Tổ chức thực hiện chế độ kiểm kê tài sản; Tổ chức thực hiện chế độ lưu trữ tài liệu kế toán;    | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |  |   |      |   |
|----|---|--|---|------|---|
| 40 | Phần mềm kế toán<br><i>Accounting Software</i>  | Nội dung của học phần chủ yếu đề cập đến những vấn đề cơ bản về phần mềm kế toán, trình bày các vấn đề về thiết lập thông tin về hệ thống, nhập số dư ban đầu theo tài khoản ngân hàng, vật tư hàng hóa, đối tượng tập hợp chi phí, ngoại tệ..., hướng dẫn quy trình hạch toán kế toán trên phần mềm, hướng dẫn tổ chức và mã hóa thông tin và quản trị dữ liệu kế toán bao gồm sao lưu, phục hồi dữ liệu kế toán, xóa dữ liệu kế toán, đổi mật khẩu, sửa thông tin cá nhân, quản lý người dùng, vai trò và quyền hạn, nhật ký truy cập. | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 41 | Hệ thống thông tin kế toán 1<br><i>Accounting Information Systems 1</i>               | Nội dung học phần bao gồm: Nghiên cứu đại cương và các vấn đề cơ bản về hệ thống thông tin kế toán. Nghiên cứu phương thức tổ chức dữ liệu và mã hóa đối tượng kế toán. Nghiên cứu phương pháp tổ chức và kiểm soát các chu trình doanh thu, cung ứng, chuyển đổi, tài chính.  | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 42 | Kế toán thuế<br><i>Tax Accounting</i>   | Học phần kế toán thuế trình bày các vấn đề tổng quan chung và cách hạch toán các loại thuế bao gồm thuế Giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân.  | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 43 | Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư<br><i>Establishment and evaluation of project</i> | Học phần gồm các nội dung sau: Một số vấn đề chung về đầu tư và dự án đầu tư; Giá trị theo thời gian của tiền; Phương pháp lập dự án đầu tư; Báo cáo ngân lưu của một dự án đầu tư; Các chỉ tiêu phân tích các phương án đầu tư; Phân tích kinh tế - xã hội và môi trường của dự án đầu tư. Ngoài ra, nội dung học phần còn cung cấp cho sinh viên quy trình lập dự án cũng như thẩm định một dự án đầu tư   | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 44 | Thị trường tài chính<br><i>Financial market</i>                                       | Học phần thị trường tài chính cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: tổng quan về thị trường tài chính; thị trường tiền tệ; thị trường ngoại hối; những vấn đề cơ bản về thị trường chứng khoán; thị trường sơ cấp; thị trường thứ cấp; phân tích chứng khoán và đầu tư.   | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 45 | Phân tích báo cáo tài chính   | Tổng quan về báo cáo tài chính; Các nội dung phân tích tài chính, bao gồm các cách thức cơ bản phân tích báo cáo tài chính, phân tích tỷ số tài chính  | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |  |   |   |      |   |
|----|--|---|---|------|---|
|    | <i>Financial statement analysis</i>                                    | theo các nhóm,... Ngoài ra học phần còn trang bị kiến thức ứng dụng phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp  |   |      |   |
| 46 | Chuẩn mực kế toán quốc tế<br><i>International Accounting Standards</i> | Nội dung học phần được thể hiện trong 11 chương với các nội dung cơ bản sau:<br>Nghiên cứu khái quát về kế toán quốc tế, Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế và lịch sử hình thành, phát triển, cơ cấu tổ chức và quy trình ban hành chuẩn mực.<br>Nghiên cứu một số chuẩn mực kế toán quốc tế cụ thể như IAS 2, 16, 38, 36, 17, 37, 18, 12 và IAS 7.  | 3 | Kỳ 6 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 47 | Tiếng Anh chuyên ngành<br><i>English for Accounting</i>                | Sinh viên hiểu được một lượng từ vựng, thuật ngữ liên quan đến chuyên ngành kế toán, thông qua các bài học có các chủ điểm như: Kế toán, Kiểm toán, Kế toán thuế, Kế toán quản trị, Báo cáo tài chính...<br>Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu kết hợp với các kỹ năng nghe, nói, viết Tiếng Anh thông qua việc thực hiện các bài tập cụ thể. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hành thảo luận, chia sẻ thông tin, tiếp cận các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là chuyên ngành tài chính, kế toán  | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 48 | Tiếng Việt chuyên ngành<br><i>Vietnamese for Economics</i>             | Sinh viên hiểu một lượng từ vựng, thuật ngữ liên quan đến chuyên ngành kế toán, thông qua các bài học có các chủ điểm như: Kế toán, Các giả định và nguyên lý kế toán, Khấu hao, Bảng cân đối kế toán, Kế toán chi phí, Tỷ giá hối đoái, Chỉ số tài chính.<br>Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu kết hợp với các kỹ năng nghe, nói, viết Tiếng Anh thông qua việc thực hiện các bài tập cụ thể. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hành thảo luận, chia sẻ thông tin, tiếp cận các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là chuyên ngành tài chính, kế toán. | 3 | Kỳ 5 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 49 | Hệ thống thông tin kế toán 2   | Giới thiệu lý thuyết và thực hành các phần mềm kế toán hiện hành nhằm trình bày các vấn đề về thiết lập thông tin về hệ thống, nhập số dư ban đầu về tài khoản ngân hàng, vật tư hàng hóa, đối tượng tập hợp chi phí, ngoại tệ..  | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |  |   |      |   |
|----|---|--|---|------|---|
|    | <i>Accounting Information Systems 2</i>   | hướng dẫn quy trình hạch toán kế toán trên phần mềm, hướng dẫn tổ chức và mã hóa thông tin và quản trị dữ liệu kế toán bao gồm sao lưu, phục hồi dữ liệu kế toán, xóa dữ liệu kế toán, đổi mật khẩu, sửa thông tin cá nhân, quản lý người dùng, vai trò và quyền hạn, nhật ký truy cập                   |   |      |   |
| 50 | Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ<br><i>Accounting for medium and small enterprises</i>               | Học phần trang bị kiến thức tổng quan về kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bao gồm: Hệ thống tài khoản kế toán, Hệ thống báo cáo tài chính, chế độ chứng từ kế toán, chế độ sổ kế toán.   | 3 | Kỳ 7 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
| 51 | Thực tập tổng hợp<br><i>General Internship</i>  | Nhằm nhằm rèn luyện cho sinh viên phương pháp phân tích, tổng hợp toàn bộ hoạt động của một đơn vị Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cơ quan quản lý kinh tế, lãnh thổ,...  | 4 | Kỳ 6 | Chấm báo cáo, vấn đáp                     |
| 52 | Thực tập tốt nghiệp<br><i>Graduation Internship</i>   | Mục tiêu nhằm tiếp cận thực tiễn công tác kế toán tại các doanh nghiệp, trên cơ sở đó rèn luyện cho sinh viên phương pháp nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực một phần hành kế toán cụ thể và rèn luyện kỹ năng phương pháp làm việc thực tiễn trong công tác kế toán.                                     | 6 | Kỳ 8 | Chấm báo cáo, vấn đáp                     |
| 53 | <b>Khóa luận TN</b><br><b>Graduation Thesis</b><br><b>hoặc các học phần</b><br><b>thay thế KLTN</b> | Mục tiêu nhằm rèn luyện cho sinh viên phương pháp phân tích, tổng hợp toàn bộ hoạt động của một đơn vị doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cơ quan quản lý kinh tế,.... Trên cơ sở đó nghiên cứu chuyên sâu một phần hành kế toán cụ thể trong một đơn vị.  | 7 | Kỳ 8 | Bảo vệ KLTN                               |
| 54 | Chuyên đề kế toán<br><i>Themes in Accounting</i>  | Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong nghiên cứu và viết một chuyên đề kế toán về các lĩnh vực: Kế toán vốn bằng tiền, kế toán tài sản cố định, kế toán hàng tồn kho, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán bán hàng, xác định kết quả kinh doanh... | 4 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |

|    |   |  |   |      |   |
|----|---|--|---|------|---|
| 55 | Kế toán chi phí<br><i>Cost Accounting</i> | Nội dung của học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán chi phí, về phân loại chi phí, qui trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo các mô hình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo chi phí thực tế; chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính; chi phí định mức | 3 | Kỳ 8 | Kiểm tra thường xuyên<br>Thi viết cuối kỳ |
|----|---|--|---|------|---|

**TRƯỞNG KHOA**

**TS. TRẦN TỰ LỰC**

*Quảng Bình, ngày 30 tháng 10 năm 2021*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**TS. TRƯƠNG THÙY VÂN**